

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



PHẠM MINH VƯƠNG

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2017**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



PHẠM MINH VƯƠNG

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự  
Mã số: 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS.TS. CAO THỊ OANH**

**HÀ NỘI, năm 2017**

## LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “*Áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Cao Thị Oanh. Tôi xin cam đoan kết quả nghiên cứu và số liệu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực, chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin và tài liệu trích dẫn trong Luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

**Tác giả luận văn**

**Phạm Minh Vương**



## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI</b> .....	8
1.1. Những vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội .....	8
1.2. Cơ sở pháp lý của áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội .....	14
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI Ở TỈNH QUẢNG NGÃI</b> .....	30
2.1. Khái quát tình hình thụ lý vụ án có bị cáo là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi.....	30
2.2. Kết quả áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.....	33
2.3. Một số vi phạm, sai lầm trong áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.....	41
2.4. Những yếu tố tác động đến hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.....	49
<b>CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI</b> .....	55
3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội .....	55
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội .....	60
<b>KẾT LUẬN</b> .....	77
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>BLHS</b>	<b>: Bộ luật hình sự</b>
<b>NCTN</b>	<b>: Người chưa thành niên</b>
<b>NQ</b>	<b>: Nghị quyết</b>
<b>NXB</b>	<b>: Nhà xuất bản</b>
<b>QĐHP</b>	<b>: Quyết định hình phạt</b>
<b>TAND</b>	<b>: Tòa án nhân dân</b>
<b>TANDTC</b>	<b>: Tòa án nhân dân tối cao</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1.	Tổng hợp kết quả xét xử tội phạm do người do người chưa thành niên thực hiện (từ 2012-2016)	41

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

<b>Số hiệu biểu đồ</b>	<b>Tên biểu đồ</b>	<b>Trang</b>
2.1.	Thống kê số vụ án có bị cáo là người chưa thành niên trong tổng số vụ án đã xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân	31
2.2.	Cơ cấu loại tội phạm do người chưa thành niên thực hiện	32
2.3.	Kết quả xét xử phạt đối với tội phạm chưa thành niên năm 2012 - 2016	42



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế hệ trẻ là hạnh phúc của mỗi gia đình, là chủ nhân tương lai của đất nước, có vai trò rất quan trọng, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Vấn đề chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ và phòng ngừa ngăn chặn người chưa thành niên phạm tội là một việc làm mà ở tất cả các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm, nghiên cứu và thực hiện. Nếu không có sự quan tâm đúng mức của Nhà nước thì hậu quả không chỉ trước mắt mà là còn gánh nặng cho thế hệ mai sau. Ở Việt Nam, vấn đề này đang thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách phù hợp không chỉ với quy định trong điều ước quốc tế mà nước Việt Nam là thành viên, mà còn phù hợp với đạo đức truyền thống của dân tộc, qua đó đảm bảo cho sự phát triển thế hệ tương lai đất nước. Trong thời gian qua cùng với việc xây dựng chủ trương, đường lối chính sách trên tất cả các lĩnh vực, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm, chăm lo về mọi mặt cho người chưa thành niên. Với sự quan tâm đó, số đông các em thiếu niên Việt Nam là người sống có lý tưởng, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nỗ lực học tập tiếp thu kiến thức nhằm nâng cao trí tuệ cho bản thân và cống hiến công sức, tài năng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có một bộ phận thanh, thiếu niên ở độ tuổi chưa thành niên không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, có lối sống buông thả đua đòi và một phần cũng do sự thiếu quan tâm của gia đình dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật.

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Hiện nay, tỉnh có 01 thành phố, 13 huyện; trong đó, 06 huyện đồng bằng, 06 huyện miền núi, 01 huyện đảo và 01 huyện Trung du với tổng diện tích là 5153 km<sup>2</sup>, dân số vào khoảng 1.217.159 người. Trong những năm gần đây, Quảng Ngãi đã tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường, nâng cao an sinh xã hội nên đã từng bước được ổn định, phát triển về mọi mặt [10]. Tuy nhiên, Quảng Ngãi cũng còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó có vấn đề tội phạm và tội phạm do người chưa thành niên thực hiện. Đây là vấn đề rất được Đảng bộ và Chính quyền tỉnh quan tâm

chỉ đạo cho các ban, ngành, địa phương cần tăng cường phổ biến pháp luật đến tận cơ sở, nhà trường và mọi tầng lớp nhân dân nhưng tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vẫn diễn ra phức tạp. Từ năm 2012 đến năm 2016, hàng năm trung bình toàn tỉnh có 35 vụ án với 45 bị cáo là người chưa thành niên bị xét xử sơ thẩm hình sự. Tính chất phạm tội ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp, có tổ chức. Tính chất đặc biệt của chủ thể này thể hiện ở chỗ, người chưa thành niên (NCTN) là người chưa đủ 18 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có đầy đủ nghĩa vụ pháp lý như người đã thành niên. Do đó, tội phạm do người chưa thành niên gây ra có những đặc điểm riêng khác so với tội phạm đã thành niên gây ra.

Chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với người chưa thành niên phạm tội có vị trí đặc biệt trong chính sách đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta. Pháp luật về việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em, các quy định khác của pháp luật về lao động, việc làm, về giáo dục... đều có quan điểm tiếp cận riêng đối với đối tượng trẻ em. Pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự... cũng có nhiều nội dung điều chỉnh đặc biệt đối với người chưa thành niên phạm tội. Vì thế, việc xét xử và quyết định các biện pháp xử lý hình sự phải mang tính đặc biệt, phù hợp lứa tuổi mà Đảng và Nhà nước ta đã nêu thành mục đích xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Cụ thể, việc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội *“chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người công dân có ích cho xã hội”*. Từ đó, biện pháp xử lý hình sự có xu hướng nghiêng về các biện pháp tư pháp ngoài hình phạt tù như giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Song thực tế hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa quan tâm áp dụng rộng rãi các biện pháp trên mà chủ yếu áp dụng hình phạt tù. NCTN phạm tội bị tuyên hình phạt tù có thời hạn hiện chiếm đến 99,12% trong tổng số các loại hình phạt nói chung.

Mặt khác, trong thực tiễn hoạt động, các cơ quan bảo vệ pháp luật, trong đó đặc biệt là Tòa án đã áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo các nguyên tắc và quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, phần nào vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Một trong những nguyên nhân cơ

bản của tình trạng trên là do các cơ quan áp dụng pháp luật chưa nhận thức được đầy đủ các quy định của Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam về cơ sở pháp lý của áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội nói chung, đặc biệt là những quy định liên quan đến trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng. Ngoài ra, các quy định của Bộ luật hình sự về vấn đề này còn một số hạn chế, vướng mắc nhất định, chưa đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn xã hội. Tất cả những điều này đã làm giảm đi hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, cũng như hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về áp dụng pháp luật hình sự đối với đối tượng đặc thù này.

Như vậy, việc nghiên cứu cơ bản những quy định của pháp luật hình sự của Nhà nước ta về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết. Nó sẽ giúp ích cho việc làm rõ cơ sở lý luận từ thực tiễn xử lý, tìm ra những sai sót hay khiếm khuyết trong quá trình xử lý đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự để khắc phục. Qua đó sẽ đóng góp cho việc đấu tranh phòng và chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện một cách hiệu quả hơn. Vì thế đề tài “*Áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*” đã được tác giả lựa chọn để nghiên cứu.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

### *2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận*

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

- Võ Khánh Vinh (2014), “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội [73];
- Võ Khánh Vinh (2008), “*Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội [69];
- Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội (1997), “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội [25];
- Đại học Luật Hà Nội (2015), “*Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 1*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội [13];

- Đại học Luật Hà Nội (2015), *"Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội [14];
- Nguyễn Ngọc Hòa (1995), *"Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam"*, Nxb Chính trị quốc gia [21];
- Hoàng Văn Hùng (2000), *"Chương XVI - Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội"* [22];
- A.I. Đôn-gô-va (1987), *"Những khía cạnh tâm lý - xã hội về tình trạng phạm tội của người chưa thành niên"*, Nxb Pháp lý, Hà Nội [20];
- Trịnh Đình Thê (2006), *"Áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội"*, Nxb Tư pháp, Hà Nội [47];
- Vũ Đức Khiển, Bùi Hữu Hùng, Phạm Xuân Chiến, Đỗ Văn Hán, Trần Phan (1987), *"Phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội"*, Nxb Pháp lý, Hà Nội [24];
- Trần Đức Châm (2002), *"Thanh, thiếu niên làm trái pháp luật - Thực trạng và giải pháp"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [8];
- Đinh Văn Quế (2000), *"Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [34];
- Đinh Văn Quế (2000), *"Thực tiễn áp dụng Pháp Luật Hình Sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"*, Nxb Phương Đông [33];
- Chu Thị Trang Vân (2006), *"Đặc trưng của áp dụng pháp luật hình sự"*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 03/2006 [61];
- Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *"Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong Tổ tụng hình sự"*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội [26].

## 2.2. Tình hình nghiên cứu thực tế

Những công trình khoa học về hình phạt đã được tác giả Luận văn tham khảo bao gồm:

- Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2000), *Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam*, Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý, số 1/2000 [65].
- Trịnh Đình Thê (1997), *Một số ý kiến về áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 10 [46];
- Đinh Văn Quế (2003), *Quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên*

*phạm tội*, Tạp chí luật học, Tòa án nhân dân tối cao, số 5 [35];

- Trần Văn Dũng (2005), *Những đặc điểm cơ bản về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 22 [12];

- Nguyễn Khắc Quang (2012), *Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 08 [32];

- Lương Ngọc Trâm (2014), *Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19 [58];

- Đặng Thanh Sơn (2008), *Pháp luật Việt Nam về tư pháp người chưa thành niên*, Số chuyên đề của Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 20 (136), tháng 12/2008 [44];

- Đoàn Tấn Minh (2008), *Bàn về phạm vi sử dụng thuật ngữ “người chưa thành niên phạm tội”*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 9 (5)/2008 [28];

- Trương Hồng Sơn (2009), *Một số quy định của pháp luật quốc tế và một số quốc gia về vấn đề quyền của người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Học viện Cảnh sát nhân dân điện tử, ngày 20/8/2009 [45];

Ngoài ra, nhiều tác giả cũng chọn vấn đề quyết định hình phạt nói chung làm đề tài Luận văn như:

- Nguyễn Thị Hương (2011), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội, [23];

- Nguyễn Quốc Thiện (2015), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội [48];

- Nguyễn Gia Viễn (2015), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội [68]...

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn áp dụng pháp

luật đối với NCTN phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, đề tài đưa ra các kiến nghị về hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, cũng như kiến nghị giải pháp áp dụng quy định của pháp luật hình sự về áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội một cách phù hợp hơn và cũng nhằm góp phần ý thức pháp luật, tăng cường tinh thần đấu tranh phòng chống người người chưa thành niên phạm tội trong toàn xã hội; hạn chế những điều kiện phạm tội, tìm ra những giải pháp để ngăn chặn tình trạng người chưa thành niên phạm tội.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Thứ nhất, tìm hiểu vấn đề lý luận và pháp luật về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội;
- Thứ hai, tìm hiểu về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016;
- Thứ ba, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và giải pháp bảo đảm việc áp dụng pháp luật đúng đối với người chưa thành niên phạm tội.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Trên cơ sở thực tế việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, Luận văn phải xác định và luận giải được sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

Ngoài ra, luận văn còn nghiên cứu những vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật và áp dụng pháp luật hình sự; nguyên nhân phát sinh những hạn chế trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự; đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa phạm tội.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;
- Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Quảng Ngãi;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và 100 bản án hình sự sơ thẩm.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1. Phương pháp luận*

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm và áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Trong quá trình thực hiện đề tài, Luận văn áp dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự, như: phương pháp lịch sử; so sánh, kể cả luật so sánh; tổng kết thực tiễn; phân tích; thống kê; tổng hợp...

## **6. Ý nghĩa của đề tài**

*6.1. Ý nghĩa khoa học:* Kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật cũng như hoàn thiện lý luận áp dụng pháp luật hình sự; đồng thời có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo luật.

*6.2. Ý nghĩa thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể được sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật, đặc biệt là nâng cao hiệu quả của công tác xét xử của Tòa án, khi giải quyết các vụ án hình sự do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **7. Cơ cấu của Luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương, cụ thể như sau:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận và cơ sở pháp lý của áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

*Chương 2:* Thực trạng áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi.

*Chương 3:* Hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

## CHƯƠNG 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

### 1.1. Những vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

#### 1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội

Khi đề cập đến khái niệm áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội thì vấn đề đầu tiên cần làm sáng tỏ là *khái niệm người chưa thành niên phạm tội*.

Người chưa thành niên phạm tội là thuật ngữ được sử dụng trong ngành luật hình sự và luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên lại không có khái niệm pháp lý chính thức nào giải thích thuật ngữ này dù BLHS, TTHS có quy định chương riêng về NCTN phạm tội. Trong pháp luật hình sự, thuật ngữ NCTN được sử dụng dưới hai góc độ vừa là chủ thể tội phạm, vừa là đối tượng tác động của tội phạm. Dưới góc độ là chủ thể của tội phạm thì tuổi của NCTN phạm tội được giới hạn hẹp hơn so với tuổi của NCTN trong các ngành luật khác, đó là từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi. Theo Điều 68 BLHS 1999 quy định: “*Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của chương này*” [37, tr.18].

Điều 1, Thông tư số 01/2011/TTLT- VKSNDTC- TANDTC - BCA- BTP- BLĐT BXH ngày 12/7/2011 đã đưa ra khái niệm:

*Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, là những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là khi họ tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án, do đó tùy theo lứa tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu cá nhân mà họ cần được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng hình sự [64].*

Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ, toàn diện về thể lực, trí tuệ, tinh thần, chưa có đầy đủ quyền, nghĩa vụ công dân và được hiểu dưới hai góc độ sau:



*Một là, dưới góc độ chung* (về sự phát triển tư duy, nhận thức, kỹ năng, thể lực, tinh thần...), thì người chưa thành niên chưa có sự hiểu biết đầy đủ và toàn diện về các khái niệm, vấn đề thông thường, luôn tìm cách tự khẳng định mình; tính tự ái, lòng tự trọng cao, khả năng tự kiểm chế chưa tốt... họ dễ bị lôi kéo, kích động, dụ dỗ, tham gia vào tiêu cực xã hội, vào phạm pháp, vi phạm pháp luật.

*Hai là, dưới góc độ pháp lý*, thì người chưa thành niên chưa có đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân. Theo pháp luật Việt Nam, một người có đủ quyền và nghĩa vụ công dân là người *đủ 18 tuổi*. Ranh giới pháp lý để xác định người thành niên và người chưa thành niên là độ tuổi Bộ luật lao động đã quy định, người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi; Bộ luật dân sự cũng quy định người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Có thể thấy rằng, khi đưa ra khái niệm về trẻ em hay người chưa thành niên, trong pháp luật quốc tế không dựa vào đặc điểm tâm - sinh lý hay sự phát triển thể chất,... mà trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua độ tuổi. Kể cả khái niệm trẻ em và khái niệm người chưa thành niên đều giới hạn là dưới 18 tuổi, đồng thời đưa ra khả năng mở để cho các quốc gia tùy điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, truyền thống của mình có thể quy định độ tuổi khác.

Tóm lại, khái niệm người chưa thành niên được xây dựng dựa trên sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần của con người và được cụ thể hóa bằng giới hạn độ tuổi trong các văn bản pháp luật của từng quốc gia. Theo đó, quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể của người chưa thành niên.

Từ các quy định chung của thể giới và quy định của pháp luật Việt Nam có thể đi đến một khái niệm chung: *Người chưa thành niên là tất cả những người dưới 18 tuổi, chưa phát triển và hoàn thiện về thể chất và tinh thần, chưa có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cụ thể của người thành niên.*

Về *khái niệm người chưa thành niên phạm tội*, trong khoa học luật hình sự Việt Nam, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, cũng như các đặc điểm liên quan đến tâm - sinh lý, điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, lịch sử, truyền thống của nước ta, về cơ bản các nhà khoa học đều thống nhất về khái niệm người chưa thành niên phạm tội.

*“Người chưa thành niên phạm tội là người đã thực hiện một hành vi bị quy định là tội phạm trong Bộ luật hình sự, có đủ điều kiện phải chịu trách nhiệm hình sự và có thể bị xử lý theo pháp luật hình sự” [66].*

Gần đây, GS.TSKH. Lê Cẩm và TS. Đỗ Thị Phương đưa ra khái niệm người chưa thành niên phạm tội tương đối đầy đủ... trên cơ sở lập luận việc quy định trong pháp luật hình sự về người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm xác định tính chất tội phạm đối với hành vi do người chưa thành niên thực hiện và tạo điều kiện cho việc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên sao cho phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ đã thực hiện trên cơ sở những đặc điểm về tâm - sinh lý của họ vào thời điểm họ phạm tội. Từ lý do trên, các tác giả đưa ra khái niệm: *“Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ, do hạn chế bởi các đặc điểm về tâm sinh lý và đã có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm” [7, tr.9].* Các tác giả cũng đúng khi chỉ ra năm dấu hiệu cơ bản về người chưa thành niên phạm tội dưới khía cạnh pháp lý hình sự là: 1) Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi; 2) Có năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ do sự hạn chế bởi các đặc điểm tâm sinh lý; 3) Đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; 4) Hành vi mà người chưa thành niên thực hiện là hành vi bị pháp luật hình sự cấm; 5) Có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi đó [7, tr.9].

Tóm lại, trên cơ sở lập luận trên có thể đưa ra định nghĩa khoa học về NCTN phạm tội như sau: *Người chưa thành niên phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đã có lỗi cố ý hoặc vô ý trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm.*

### ***1.1.2. Khái niệm áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội***

Các quy định pháp luật rất phong phú cho nên hình thức thực hiện pháp luật cũng rất phong phú và khác nhau. Căn cứ vào tính chất của hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã xác định và khái quát hóa thành những hình thức thực hiện pháp luật như sau:

- Áp dụng pháp luật: trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các quy định của pháp luật; hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra những quy định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật.

- Sử dụng pháp luật: trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền năng pháp lý của mình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của Nhà nước và của các chủ thể khác.

- Tuân theo pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, tuy nhiên đây là việc thực hiện pháp luật thụ động, bởi các chủ thể sẽ không tiến hành những hành động mà pháp luật cấm hoặc chỉ thực hiện những gì mà pháp luật cho phép.

- Chấp hành pháp luật: trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nhiệm vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực, đây là những hoạt động bắt buộc nếu không thực hiện chủ thể pháp luật có thể chịu những chế tài nhất định.

Trong các hình thức thực hiện pháp luật là áp dụng pháp luật, sử dụng pháp luật, tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật thì *áp dụng pháp luật* là hình thức đặc thù bởi hoạt động áp dụng pháp luật luôn có sự tham gia của Nhà nước, thông qua các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đây là một hình thức thực hiện pháp luật quan trọng, thông qua hình thức này ý chí của Nhà nước được thực hiện trên thực tế, chuyển hóa từ những quy định trên văn bản pháp luật vào thực tế đời sống xã hội, thông qua đó Nhà nước sẽ thực hiện được chức năng tổ chức, quản lý xã hội, đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của bộ máy và công chức Nhà nước ở trong khuôn khổ pháp luật.

Áp dụng pháp luật là: *“hoạt động thực hiện pháp luật mang tính tổ chức quyền lực nhà nước, được thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hóa quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể, đối với cá nhân, tổ chức cụ thể”* [63].

PGS.TS. Nguyễn Minh Đuan nhận định:

*Áp dụng pháp luật nói chung được hiểu là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó, Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào những quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm*

*phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể [19, tr.17].*

Áp dụng pháp luật hình sự được tiến hành trong các trường hợp cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, hoặc áp dụng chế tài xử lý đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Ví dụ, một công dân thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hành vi đó đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Không phải ngay sau đó trách nhiệm hình sự tự động phát sinh và người vi phạm tự giác chấp hành các biện pháp chế tài tương xứng. Vì vậy, cần có hoạt động của các cơ quan và những người có thẩm quyền nhằm điều tra, truy tố, xét xử và đối chiếu với quy định của pháp luật để ấn định trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi vi phạm và buộc người này phải chấp hành.

Như vậy: *Áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội* là hoạt động vận dụng quy định của pháp luật hình sự để giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thực hiện.

### ***1.1.3. Các đặc điểm của áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội***

*Thứ nhất*, áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. Đặc điểm này được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

- Áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là hoạt động do chủ thể có thẩm quyền tiến hành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của họ. Hoạt động này do các cơ quan tiến hành tố tụng gồm cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án tiến hành. Các cơ này nhân danh Nhà nước thực hiện các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội.

- Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được xem là sự tiếp tục thể hiện ý chí nhà nước trong quá trình điều chỉnh pháp luật. Do vậy, việc áp dụng pháp luật không những phải phù hợp với pháp luật thực định mà còn phải phù hợp với chủ trương, chính sách của nhà nước trong mỗi giai đoạn nhất định.

- Đối với một số trường hợp, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội có thể được tiến hành theo ý chí đơn phương của các chủ thể có thẩm quyền, không phụ thuộc vào ý chí của chủ thể bị áp dụng pháp luật là người chưa thành niên phạm tội.

- Áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội có tính chất bắt buộc đối với chủ thể bị áp dụng là người chưa thành niên phạm tội và chủ thể có liên quan.

*Thứ hai*, áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là hoạt động phải tuân theo những hình thức và thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định. Việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân thủ những quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền được pháp luật tố tụng hình sự quy định.

*Thứ ba*, áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là hoạt động điều chỉnh mang tính chất cá biệt, cụ thể đối với những quan hệ xã hội nhất định. Cũng giống như áp dụng pháp luật hay áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng pháp luật hình sự được thực hiện đối với từng trường hợp người chưa thành niên phạm tội cụ thể.

*Thứ tư*, áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo trong phạm vi quy định của pháp luật. Gắn liền với đặc điểm thứ ba của áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là áp dụng pháp luật đối với từng trường hợp phạm tội riêng biệt, do đó, người áp dụng pháp luật pháp luật hình sự phải vận dụng sáng tạo quy định của pháp luật hình sự tương ứng để xác định tội và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội cụ thể.

*Thứ năm*, áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là phải có kiến thức pháp luật, am hiểu về tâm sinh lý và nhân cách sống để nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

*Thứ sáu*, các hình phạt áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên cũng là một dạng của trách nhiệm hình sự và chỉ áp dụng khi có sự việc phạm tội do

người chưa thành niên thực hiện và có mức độ trấn áp nhẹ hơn so với người thành niên phạm tội. Cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội là Tòa án; Các hình phạt chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

## **1.2. Cơ sở pháp lý của áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội**

Tại Điều 68, Chương X: Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định của các Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này”* [37]. Như vậy, cơ sở pháp lý của việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là toàn bộ những quy định của pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Các quy định đó có thể được chia thành hai nhóm là các quy định về tội phạm và các quy định về trách nhiệm hình sự.

### **1.2.1. Quy định về tội phạm**

Cơ sở pháp lý của việc định tội danh đối với người chưa thành niên phạm tội là quy định về tội phạm (thuộc phần chung và phần các tội phạm) được quy định chung đối với cả người thành niên và người chưa thành niên phạm tội. Những quy định thuộc phần chung Bộ luật hình sự tạo cơ sở pháp lý cho việc định tội đối với người chưa thành niên phạm tội là những quy định cho phép xác định tội phạm như khái niệm tội phạm, phân loại tội phạm, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi, giai đoạn phạm tội, đồng phạm... Những quy định thuộc phần các tội phạm của Bộ luật hình sự về cấu thành tội phạm là cơ sở pháp lý trực tiếp để định tội đối với người chưa thành niên phạm tội. Các quy định về tội phạm làm cơ sở pháp lý của việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội về cơ bản là những quy định để xác định tội phạm được áp dụng chung đối với mọi chủ thể thực hiện tội phạm. Do đó, có thể nói rằng cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng quy định về tội phạm nói chung khi áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Xuất phát từ cơ sở pháp lý chung này, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự để định tội người chưa thành niên phạm tội không

có khác biệt so với áp dụng pháp luật hình sự đối với người thành niên phạm tội.

### ***1.2.2. Quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội***

Xuất phát từ đường lối vận động, giáo dục thanh thiếu niên của Đảng và Nhà nước ta, từ những đặc điểm tâm - sinh lý của người chưa thành niên và dựa trên cơ sở thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, cũng như các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam, các nhà làm luật đã quy định toàn diện và thống nhất các nguyên tắc cơ bản có tính chất chỉ đạo, xuyên suốt quá trình khi xử lý người chưa thành niên phạm tội. Do đó, Điều 68 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *“Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này”* [37]. Theo điều luật trên, về nguyên tắc khi giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ trước hết vào các quy định của Chương X Phần chung, đồng thời cũng phải vận dụng các quy định khác của Bộ luật hình sự như: Cơ sở của trách nhiệm hình sự, các nguyên tắc xử lý, những quy định về tội phạm và hình phạt, về các biện pháp tư pháp, quyết định hình phạt... song khi vận dụng các quy định đó thì không được trái với những quy định của Chương X Bộ luật hình sự này.

Ngoài ra, cũng như Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 đã có sự phân biệt trách nhiệm hình sự giữa người chưa thành niên phạm tội ở hai lứa tuổi: từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Về nguyên tắc, những người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, người từ đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do họ thực hiện (Điều 12 Bộ luật hình sự).

Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, các tội phạm mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và quan trọng hơn là quy định này không rõ ràng, minh bạch, nên bản thân NCTN không thể hoặc khó có thể biết được chính xác khi nào thì hành vi bị coi là tội phạm. Thực tế cho thấy, những trường hợp NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi tự mình thực hiện tội phạm rất nghiêm

trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là không nhiều và chủ yếu tập trung vào một số tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; các tội xâm phạm sở hữu, còn lại phần lớn các trường hợp khác các em tham gia thực hiện tội phạm là do bị người lớn xúi giục, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa... Bản thân họ không nhận thức được một cách đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm của loại tội phạm mà mình đã thực hiện. Vì vậy, việc xử lý hình sự đối với NCTN trong những trường hợp này có phần quá nghiêm khắc và ít có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, giúp họ nhận ra và sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ trên tinh thần đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Bộ Luật Hình sự 2015 sử dụng thuật ngữ người dưới 18 tuổi phạm tội (không sử dụng thuật ngữ người chưa thành niên). Về nguyên tắc, việc xét xử người dưới 18 tuổi phải được cân nhắc và không được đối xử như người trưởng thành đầy đủ và phải tuân theo đúng các quy định của pháp luật hình sự.

Kế thừa quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, theo đó, họ chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện 29 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự thuộc 04 nhóm tội phạm: (1) Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; (2) Các tội xâm phạm sở hữu; (3) Các tội phạm về ma túy; (4) Các tội xâm phạm an toàn công cộng. Ngoài ra, các em cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 04 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự. Đó là các tội: giết người; cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; cướp tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, có thể thấy, trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nghiêm trọng và tính phổ biến của hành vi phạm tội do người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi gây ra trong thời gian qua cũng như dự báo trong thời gian tới quán triệt chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam, Bộ luật hình sự năm 2015 đã xác định nhóm các tội danh mà NCTN trong độ tuổi này phải chịu trách nhiệm hình sự (kể cả trường hợp chuẩn bị phạm tội) chủ yếu tập trung



vào các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người và an toàn công cộng (Khoản 2, Điều 12, Bộ luật hình sự năm 2015) [43, tr.38].

Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định NCTN phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 21 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự thuộc 04 nhóm tội phạm (các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm an toàn công cộng).

Quy định về các nguyên tắc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là cơ sở pháp lý quan trọng của việc áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 và hiện nay tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực) cùng quy định việc xử lý người chưa thành niên phạm tội phải tuân theo những nguyên tắc nhất định:

*Nguyên tắc thứ nhất - việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.* Trong điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Khi người chưa thành niên phạm tội, các cơ quan tư pháp hình sự phải xác định chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Ngoài ra, còn cần làm rõ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm để từ đó giúp người chưa thành niên nhận thức rõ lỗi của mình và sửa chữa để thành công dân có ích cho gia đình và xã hội trong tương lai. Khi biết được nguyên nhân và điều kiện phạm tội - lúc này, để các cơ quan bảo vệ pháp luật có biện pháp loại bỏ cả nguyên nhân và điều kiện phạm tội từ phía chính bản thân người phạm tội cũng như từ môi trường xã hội, qua đó góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, cũng như có chính sách hình sự áp dụng đối với họ khi xử lý.

*Nguyên tắc thứ hai - người chưa thành niên có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát,*

*giáo dục*. Đây là nguyên tắc thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo đặc biệt - miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và thuộc chế định miễn trách nhiệm hình sự. Việc quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam chế định này thể hiện phương châm đúng đắn của đường lối xử lý về hình sự, - bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp cưỡng chế hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước với các biện pháp tác động xã hội khác để cải tạo, giáo dục người phạm tội, bằng cách đó hạn chế áp dụng các biện pháp mang tính trấn áp (trừng trị) về mặt hình sự.

Cùng với 08 trường hợp miễn trách nhiệm hình sự khác (Điều 19, Điều 25, khoản 3 Điều 80, đoạn 2 khoản 6 Điều 289, khoản 6 Điều 290 và khoản 3 Điều 314, các nhà làm luật đã phân rõ trong Bộ luật hình sự thành các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự có tính chất bắt buộc và có tính chất lựa chọn. Là một trường hợp *lựa chọn*, việc áp dụng hay không áp dụng miễn trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào quyết định của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng, căn cứ vào tình hình thực tế vụ án, vào yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm, vào khả năng cải tạo, giáo dục người chưa thành niên phạm tội trong môi trường xã hội bình thường với sự giáo dục, giám sát của gia đình hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tương ứng, cũng như nhân thân của chính người chưa thành niên phạm tội đó. Như vậy, các điều kiện cụ thể có thể được miễn trách nhiệm hình sự bao gồm:

*Một là*, người phạm tội là người chưa thành niên. Khái niệm “*người chưa thành niên phạm tội*” bao gồm những người đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

*Hai là*, tội phạm người chưa thành niên thực hiện phải là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng, gây hại không lớn. Theo đó, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định theo hướng có lợi hơn cho người chưa thành niên phạm tội, làm cho phạm vi người chưa thành niên có thể được miễn trách nhiệm hình sự rộng hơn so với Bộ luật hình sự năm 1985. Ngoài ra, trong điều kiện này còn kèm theo một nội dung là tội phạm đó phải *gây hại không lớn*.

*Ba là*, người chưa thành niên phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là một phạm trù pháp lý đặt ra để xác định

làm giảm mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, giảm nhẹ mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Luật đòi hỏi ở đây người phạm tội phải có ít nhất từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên. Các tình tiết này có thể được quy định trong Bộ luật (khoản 1 Điều 46), trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật [37] hoặc do Tòa án cân nhắc, xem xét trong từng trường hợp cụ thể và ghi rõ trong bản án.

*Bốn là*, người chưa thành niên được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức xã hội nhận giám sát, giáo dục. Người chưa thành niên chịu sự ảnh hưởng có tính quyết định của môi trường sinh sống. Cho nên, việc gia đình người chưa thành niên nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục hoặc cơ quan, tổ chức xã hội có uy tín nhận giám sát, giáo dục người chưa thành niên phạm tội thì cũng cần tạo cơ hội để gia đình, cơ quan, tổ chức đó giúp đỡ và gánh vác việc giáo dục, cải tạo người chưa thành niên phạm tội, góp phần *xã hội hóa* việc giáo dục người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần xem xét kỹ đến môi trường sống trong gia đình cũng như trong cơ quan, tổ chức sẽ đảm nhận việc giám sát, giáo dục người chưa thành niên phạm tội vì nó có ý nghĩa quyết định người chưa thành niên có thể trở thành người tốt hay không. Theo khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 thì thẩm quyền quyết định miễn trách nhiệm hình sự thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng tùy thuộc các giai đoạn tố tụng tương ứng (Cơ quan điều tra với sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, Viện kiểm sát và Tòa án).

*Nguyên tắc thứ ba - việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.* Theo đó, nội dung của nguyên tắc này của việc xử lý người chưa thành niên phạm tội cũng thể hiện tính nhân đạo sâu sắc. Điều này có nghĩa không phải mọi trường hợp người chưa thành niên phạm tội đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết và ngay kể cả khi người chưa thành niên phạm tội và bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì họ vẫn có khả năng không bị áp dụng hình phạt.

*Nguyên tắc thứ tư - nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với*

người chưa thành niên phạm tội thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp - giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng. Đặc biệt, nhằm tăng cường khả năng áp dụng các hình phạt không phải là hình phạt tù, hạn chế áp dụng hình phạt tù, đồng thời sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội theo hướng bổ sung thêm một số nguyên tắc xử lý người chưa thành niên đã được ghi nhận trong Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19/6/2009 của Quốc hội đã bổ sung theo hướng nhấn mạnh nội dung “*Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù*”. Việc quy định bổ sung này mở ra khả năng để cho người chưa thành niên phạm tội có thể sớm tự cải tạo, giáo dục tại xã hội để trở thành người có ích cho gia đình và cộng đồng. Hiện thực hóa điều này, thay vào đó, họ có thể được áp dụng các biện pháp tư pháp nếu các biện pháp này đã đủ tác dụng để có thể cải tạo họ thành công dân có ích cho xã hội trong tương lai, cũng như phòng ngừa tội phạm.

*Nguyên tắc thứ năm - không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội. Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng. Tù chung thân hoặc tử hình là những hình phạt có tính chất nghiêm khắc cao, chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Theo nguyên tắc đầu tiên, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, cải tạo họ. Do đó không thể áp dụng các hình phạt nghiêm khắc này với họ.*

Các nội dung nhân đạo này được Tòa án áp dụng trong quá trình xét xử người chưa thành niên phạm tội, không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội. Trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội tương đương với người đã thành niên và bị xử phạt tù có thời hạn thì mức áp dụng đối với họ phải thấp hơn so với người đã thành niên.

*Nguyên tắc thứ sáu - án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi không được tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.*

Nguyên tắc này không những thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội, mà còn tạo điều kiện để người chưa thành niên có thể tái hòa nhập cộng đồng, phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, cũng như tránh những mặc cảm tội lỗi của bản thân người chưa thành niên và cái nhìn thiếu thiện cảm, dị nghị của xã hội đối với người sau này khi đã trở thành người thành niên.

Các quy định về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cũng có những đặc thù mà cơ quan tiến hành tố tụng cần lưu ý khi xử lý người chưa thành niên phạm tội.

Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn hình phạt buộc người bị kết án phải chấp hành. Tòa án lựa chọn loại hình phạt nào, mức phạt bao nhiêu, phải tuân theo những quy định của Bộ luật hình sự.

Quyết định hình phạt là hoạt động tư duy của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngay sau khi đã xác định tội danh đối với hành vi phạm tội, nếu định tội là tiền đề, là cơ sở cho việc quyết định hình phạt, thì quyết định hình phạt là kết quả cuối cùng của hoạt động xét xử. Quyết định hình phạt chính xác có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Để quyết định hình phạt chính xác, đúng pháp luật, ngoài việc định tội chính xác, Tòa án còn phải tuân theo những nguyên tắc, những căn cứ về quyết định hình phạt đã được quy định trong Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Tòa án còn phải xem xét cân nhắc đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của từng địa phương, yêu cầu của việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm và các yếu tố khác có liên quan đến việc quyết định hình phạt.

Cũng như đối với người phạm tội đã thành niên, khi quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án cũng phải căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999).

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự:

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, tức là phải căn cứ vào các quy định của cả phần chung và phần các tội phạm của Bộ luật hình sự có liên quan đến tội

phạm mà người bị kết án đã phạm. Vì vậy, chỉ quyết định hình phạt khi đã có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà Bộ luật hình sự quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết định hình phạt sau. Khi đã xác định được tội danh cho một hành vi phạm tội, thì phải xác định tội phạm đó được quy định ở điều khoản nào của Bộ luật hình sự, từ đó đối chiếu với các quy định của phần chung và phần tội phạm xem có những quy định nào có liên quan đến tội phạm do người bị kết án thực hiện hay không. Đối với người chưa thành niên phạm tội ngoài các quy định của Bộ luật hình sự như đối với người đã thành niên, thì còn phải căn cứ vào các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội tại Chương X (từ Điều 68 đến Điều 77 Bộ luật hình sự năm 1999).

Theo quy định tại Chương X của Bộ luật hình sự năm 1999 và nay được kế thừa, bổ sung và phát triển tại Chương XII Bộ luật hình sự năm 2015 thì khi quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội Tòa án cần chú ý một số vấn đề sau:

Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó nếu có phải áp dụng hình phạt đối với họ cũng chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Nguyên tắc này đòi hỏi Tòa án phải lựa chọn loại hình phạt và mức hình phạt sao cho thể hiện được yêu cầu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ để áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội là tính chất của hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa. Cần chú ý là yêu cầu của việc “*phòng ngừa*” chứ không phải yêu cầu của việc “*chống*” tội phạm.

Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp (không phải là hình phạt) như: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ một năm đến hai năm đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng hoặc đưa vào trường giáo dưỡng từ một năm đến hai năm đối với người chưa thành niên phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường

sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ.

Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc người được đưa vào trường giáo dưỡng đã chấp hành một phần hai thời hạn do Tòa án quyết định và có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của tổ chức, cơ quan, nhà trường được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc thời hạn ở trường giáo dưỡng.

Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

Đối với hình phạt cảnh cáo: Khi áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án phải căn cứ vào quy định tại Điều 29 Bộ luật hình sự, chỉ áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt. Bởi lẽ, không có quy định riêng về việc áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội, nên theo quy định tại Điều 68 Bộ luật hình sự Tòa án vẫn phải căn cứ vào Điều 29 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đối với người chưa thành niên phạm tội nên mở rộng việc áp dụng hình phạt cảnh cáo nếu đủ điều kiện quy định tại Điều 29 Bộ luật hình sự.

Đối với hình phạt tiền: Tòa án chỉ được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và cũng chỉ đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Bộ luật hình sự năm 1999 đã có hiệu lực pháp luật gần 7 năm, nhưng vẫn còn một số trường hợp người chưa thành niên phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật nhưng sau ngày Bộ luật hình sự năm 1999 mới bị phát hiện mà thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự vẫn còn, thì khi áp dụng hình phạt đối với họ, Tòa án nên cần phải chú ý một số vấn đề có liên quan đến hiệu lực về thời gian,

cũng như Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội để tránh những sai lầm không đáng có.

Bộ luật hình sự năm 1985 không quy định người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng hình phạt tiền, nên phải coi đây là trường hợp điều luật quy định một hình phạt mới, nên không được áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01/7/2000 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

Khi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người chưa thành niên phạm tội, cần xác định tuổi của người bị kết án, chỉ sau khi có đủ căn cứ xác định người bị kết án đủ 16 tuổi mới được áp dụng hình phạt tiền, nếu còn nghi ngờ về tuổi của người bị kết án và không có tài liệu gì khác để xác định tuổi thật của người bị kết án thì không được áp dụng hình phạt tiền đối với họ.

Sau khi đã xác định chính xác người chưa thành niên đã đủ 16 tuổi, thì bước tiếp theo là phải xác định xem người bị kết án có thu nhập hoặc có tài sản riêng hay không? Việc xác định này phải được thể hiện bằng văn bản của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải được lưu trong hồ sơ vụ án. Thu nhập và tài sản riêng của người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phải đủ để thi hành khoản tiền phạt mà Tòa án quyết định. Nếu thu nhập hoặc tài sản riêng của người bị kết án không đủ để thi hành khoản tiền phạt hoặc không đáng kể, thì Tòa án không được áp dụng hình phạt tiền đối với họ. Vì là hình phạt, nên tuyệt đối không được buộc cha mẹ người bị kết án phải nộp thay khoản tiền phạt như đối với trường hợp Tòa án buộc người chưa thành niên bồi thường thiệt hại.

Mức tiền phạt mà Tòa án áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội không được quá một phần hai (1/2) mức tiền phạt mà điều luật quy định. Khi xác định mức tiền phạt cụ thể, Tòa án căn cứ vào tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, để quyết định một mức tiền phạt như đối với người đã thành niên phạm tội, sau đó chia đôi số tiền phạt đó để quyết định mức tiền phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

Đối với hình phạt cải tạo không giam giữ: Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án cũng phải căn cứ vào quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự về cải tạo không giam giữ, đó là: Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng



hoặc phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng, nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội. Tuy nhiên, đối với người chưa thành niên phạm tội khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ cần điều kiện có nơi thường trú rõ ràng, vì theo quy định tại Điều 73 Bộ luật hình sự thì, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó nên việc xác định người phạm tội có nơi làm việc ổn định là không cần thiết, mà chỉ cần xác định người phạm tội có nơi thường trú rõ ràng là được.

Cũng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật hình sự thì, thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai (1/2) thời hạn mà điều luật quy định. Tương tự như đối với hình phạt tiền, khi xác định thời hạn cụ thể, Tòa án căn cứ vào tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, để quyết định một thời hạn như đối với người đã thành niên phạm tội, sau đó chia đôi để quyết định thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội. Ví dụ: Vũ Văn M (khi phạm tội 17 tuổi 9 tháng) bị kết án về tội “*vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*” theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm. Giả thiết Vũ Văn M là người đã thành niên thì sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ là 18 tháng, nhưng vì M là người chưa thành niên nên mức hình phạt cải tạo không giam giữ mà Tòa án áp dụng đối với M là 9 tháng.

Điều luật quy định ở đây phải hiểu là điều luật quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với từng tội phạm cụ thể chứ không phải là điều luật quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ (Điều 31 Bộ luật hình sự). Đa số các tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ, nhà làm luật thường quy định đến ba năm. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp nhà làm luật chỉ quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm như: Điều 94-Tội giết con mới đẻ; Điều 96-Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; Điều 102-Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng; Điều 103-Tội đe dọa giết người; Điều 106-Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; Điều 108-Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Điều 121-Tội làm nhục người khác; Điều 122-Tội vu

khống; Điều 123-Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.v.v... Lại có trường hợp nhà làm luật chỉ quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến một năm như: Điều 105-Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; Điều 110-Tội hành hạ người khác; Điều 125-Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác; Điều 126-Tội xâm phạm quyền bầu cử, quyền ứng cử của công dân.v.v...

Đối với hình phạt tù có thời hạn: Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án cần phải cân nhắc kỹ xem có nên áp dụng hình phạt tù đối với họ hay không? Chỉ áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên khi thấy không thể áp dụng được các loại hình phạt khác đối với họ. Đây cũng là một nguyên tắc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử các Thẩm phán ít chú ý đến nguyên tắc này, nên thường áp dụng hình phạt tù hoặc cho hưởng án treo, mặc dù người phạm tội có đủ điều kiện được áp dụng các loại hình phạt khác không phải là hình phạt tù.

Khi buộc phải áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án phải tuân theo các quy định sau:

Đối với người chưa thành niên khi phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám (18) năm tù. Đối với người chưa thành niên khi phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai (12) năm tù. Trường hợp người chưa thành niên phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và được Tòa án áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự thì việc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt sẽ phức tạp hơn. Đây cũng là vấn đề thực tiễn xét xử nhiều Tòa án lúng túng “sợ” vi phạm Điều 47 Bộ luật hình sự nên lại áp dụng một cách máy móc. Một số trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề thì bị Viện kiểm sát kháng nghị với lý do vi phạm Điều 47 Bộ luật hình sự và không ít trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm lại chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo chỉ vì lý do vi phạm Điều 47 Bộ luật hình sự.

Việc áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, về nguyên tắc vẫn phải bảo đảm đúng quy định của Điều 47. Tuy nhiên, đối với người chưa thành niên phạm tội, Tòa án phải căn cứ vào các quy định tại Điều 74 Bộ luật hình sự. Để bảo đảm việc quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội vừa đúng với Điều 47 Bộ luật hình sự vừa bảo đảm quy định tại Điều 74 Bộ luật hình sự, Tòa án cần tiến hành các bước sau:

Trước hết, Tòa án coi như họ là người đã thành niên để quyết định một mức hình phạt cụ thể sau đó căn cứ vào quy định tại Điều 74 Bộ luật hình sự để xác định mức hình phạt cụ thể đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự. Ví dụ: Hoàng Văn C 16 tuổi 10 tháng phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ bảy năm đến mười lăm năm tù; do C có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự nên được Tòa án áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt quy định tại khoản 2 của Điều 138 Bộ luật hình sự. Giả thiết C là người đã thành niên thì sẽ bị phạt 2 năm tù, nhưng vì C là người chưa thành niên nên C chỉ bị phạt 1 năm 6 tháng tù ( $2 \times 3 : 4 = 1$  năm 6 tháng). Mặc dù mức hình phạt 1 năm 6 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự nhưng vẫn không vi phạm Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tóm lại, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội là cơ sở, là tiền đề cho việc có áp dụng hay không áp dụng hình phạt, nếu áp dụng thì áp dụng loại hình phạt nào, mức hình phạt là bao nhiêu. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự là căn cứ vào từng hành vi phạm tội cụ thể, của người phạm tội cụ thể đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự để áp dụng điều khoản nào cho phù hợp với hành vi phạm tội. Bộ luật hình sự chỉ quy định có tính chất nguyên tắc, dự kiến nếu có một hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra và hành vi đó có thể giống (tương tự) với dự kiến của Bộ luật hình sự thì được áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử lý. Đây là đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự đối với các nước theo luật thành văn.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt còn được thể hiện ở chỗ, Tòa án chỉ được áp dụng một trong các hình phạt chính đã được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật hình sự, riêng hình phạt trục xuất chỉ áp dụng đối với người nước ngoài, không áp dụng đối với công dân Việt Nam. Đối với người chưa thành niên Tòa án không được áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật hình sự đối với họ. Khi áp dụng hình phạt, Tòa án phải áp dụng đúng khung hình phạt, đúng loại hình phạt và không được phạt cao hơn mức cao nhất của khung hình phạt đã quy định. Việc áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt phải tuân theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự là một căn cứ quan trọng nhất, thể hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa khi quyết định hình phạt, quyết định hình phạt mà không căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự sẽ làm cho bản chất của hình phạt thay đổi, mục đích của hình phạt không đạt được, dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; bản án mà Tòa án tuyên chẳng những không đúng pháp luật mà còn không được dư luận đồng tình gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng khác.

### **Kết luận Chương 1**

Người chưa thành niên phạm tội là những người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm được quy định trong BLHS. Đây là đối tượng chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý, khả năng nhận thức còn hạn chế, chịu sự tác động rất lớn và chủ yếu của môi trường sống, dễ tiếp thu những thói hư, tật xấu, dễ bị tha hóa về nhân cách và cũng dễ bị kích động, lôi kéo vào những hành động vi phạm pháp luật và phạm tội. Vì vậy, pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng luôn coi họ là đối tượng cần được bảo vệ và quan tâm đặc biệt, ngay cả khi họ là chủ thể của tội phạm thì việc bảo vệ các quyền lợi của họ bao giờ cũng được tôn trọng và đặt lên hàng đầu.

Những quy định về “*Hình phạt đối với NCTN phạm tội*” đã thể hiện rõ chính sách nhân đạo của Nhà nước ta: Khi xét xử, NCTN phạm tội có thể bị áp dụng một trong bốn hình phạt là “*Cảnh cáo*”, “*Phạt tiền*”, “*Cải tạo không giam giữ*” hay “*Tù có thời hạn*”. Mục đích chính của các chế tài hình sự này là giáo dục, cải tạo, nhằm giúp

họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội, giúp cho việc xử lý tội phạm được triệt để và toàn diện.

Qua nghiên cứu về vấn đề lý luận và pháp luật về áp dụng pháp luật đối với NCTN phạm tội, tác giả đi sâu phân tích về khái niệm và đặc điểm của NCTN phạm tội. Bên cạnh đó, luận văn còn đưa ra khái niệm và ý nghĩa của việc áp dụng pháp luật hình sự, các nguyên tắc và căn cứ áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội theo lịch sử phát triển các quy định PLHS Việt Nam. Từ đó tạo cơ sở nền tảng cho việc nghiên cứu Chương 2 về thực trạng áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi.

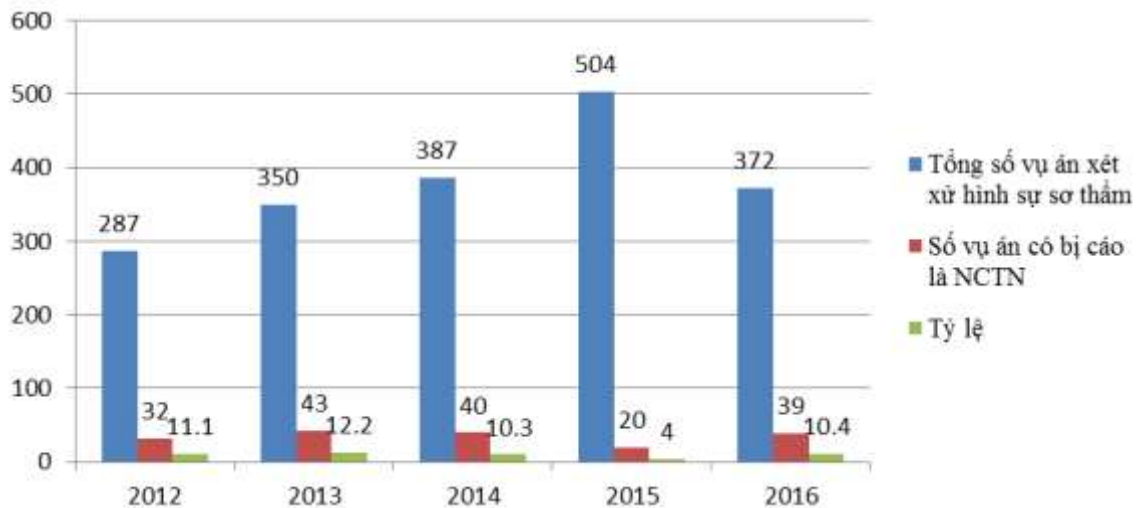
## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

#### **2.1. Khái quát tình hình thụ lý vụ án có bị cáo là người chưa thành niên từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi**

Cùng với sự phát triển của đất nước, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày càng được quan tâm, đặc biệt là sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1990. Việt Nam cũng đã xây dựng được một hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác bảo vệ trẻ em nói chung và người chưa thành niên trong các vụ án hình sự nói riêng. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự của cả nước trong thời gian qua cho thấy, tỷ lệ tội phạm do người chưa thành niên thực hiện vẫn có chiều hướng gia tăng; cơ cấu, tổ chức, tính chất tội phạm ngày càng phức tạp và nghiêm trọng; có không ít trường hợp đã bị Tòa án xét xử, áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhưng hiệu quả của việc áp dụng hình phạt chưa cao, tỷ lệ người chưa thành niên tái phạm còn nhiều.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, trong những năm qua, mặc dù tình hình trật tự trị an của tỉnh được ổn định và tiếp tục giữ vững, nhưng tình hình tội phạm nhìn chung lại chưa có chiều hướng giảm như mong muốn. Nhất là tội phạm do NCTN gây ra, hiện tượng này đã gây những bức xúc, lo lắng cho xã hội, cho nhà trường và cho gia đình. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Quảng Ngãi, số vụ án có bị cáo là NCTN bị TAND hai cấp của tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm như sau:



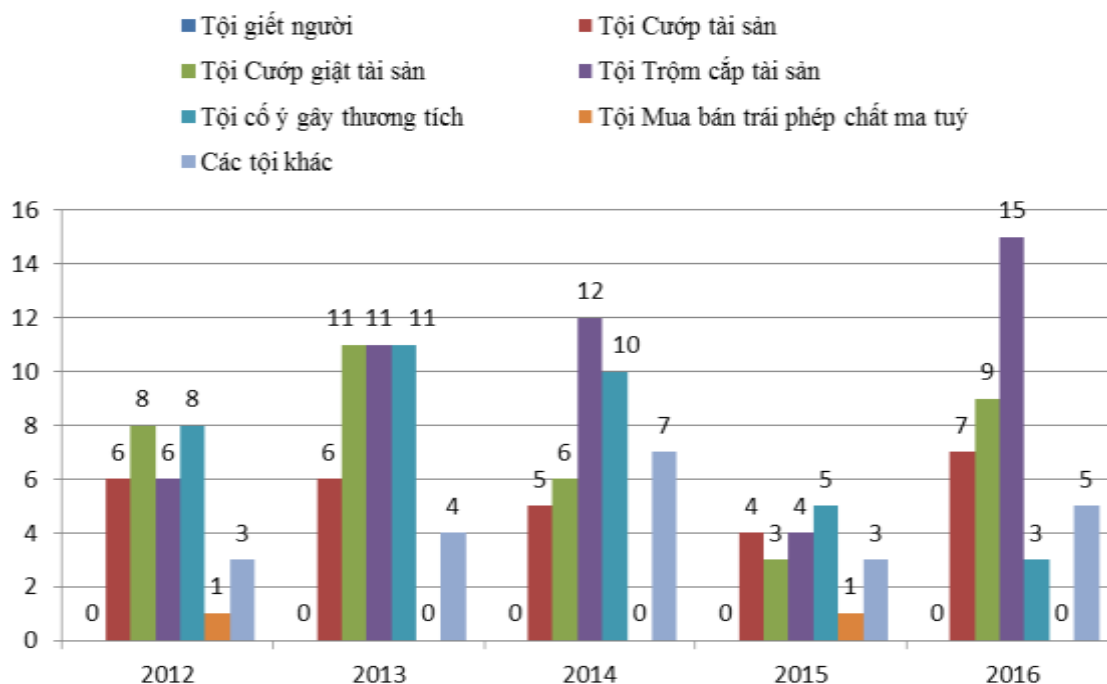
**Biểu đồ 2.1. Thống kê số vụ án có bị cáo là người chưa thành niên trong tổng số vụ án đã xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân**

*Nguồn: Văn phòng Tòa án tỉnh*

Theo số liệu thống kê trên của Văn phòng TAND tỉnh Quảng Ngãi thì số lượng các vụ án do người chưa thành niên thực hiện cũng chiếm tỉ lệ khá cao hàng năm. Năm 2012 là 32 bị cáo chiếm tỷ lệ 11%, năm 2013 là 43 bị cáo chiếm tỷ lệ 12.2%, năm 2014 là 40 bị cáo chiếm tỷ lệ 10.3%, năm 2015 là 20 bị cáo chiếm tỷ lệ 4%, năm 2016 là 39 bị cáo chiếm tỷ lệ 10.4%. Trong thời gian 05 năm số bị cáo phạm tội là 174 bị cáo, chiếm tỷ lệ 9.16%. Trong số các vụ án do người chưa thành niên bị truy tố, xét xử thì phần lớn các vụ án do người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện. Tỷ lệ người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chiếm khoảng 65%; người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chiếm khoảng 35%. Về mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của người chưa thành niên gây nên cũng có biểu hiện ngày càng tăng cao. Nếu như trước đây người chưa thành niên chỉ đơn phương một mình thực hiện chủ yếu về các tội xâm phạm quyền sở hữu như Trộm cắp tài sản hoặc tội gây rối trật tự công cộng... thì hiện nay tội phạm do người chưa thành niên thực hiện ngày càng trở lên đa dạng, phong phú hơn; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cao như tội giết người, cố ý gây thương tích; cướp tài sản... không những thế các băng nhóm chưa thành niên phạm tội ngày một nhiều.

Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do NCTN gây ra cũng có diễn biến khá phức tạp. Các loại tội phạm do NCTN thực hiện thường thuộc loại tội

phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và thậm chí là rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt hơn, thậm chí còn mang tính chất côn đồ, hung hãn; phạm tội thành băng nhóm, có tổ chức. Nhiều bị cáo đã bị Tòa án tuyên mức hình phạt nghiêm khắc.



**Biểu đồ 2.2. Cơ cấu loại tội phạm do người chưa thành niên thực hiện**

*Nguồn: Phòng thống kê hình sự*

Bảng số liệu thống kê trên cho thấy:

Trong số các tội phạm do NCTN thực hiện thì loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao nhất là tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đối với loại tội này, thủ đoạn phạm tội thường ít tinh vi, xảo quyệt, thông thường thấy có sơ hở trong việc quản lý tài sản là tiến hành trộm cắp ngay, mục đích bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Số bị cáo là NCTN phạm tội này có chiều hướng gia tăng liên tục.

Sau tội “*Trộm cắp tài sản*” là tội “*Cố ý gây thương tích*”. Trung bình mỗi năm có từ 3-5 bị cáo là NCTN bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Những NCTN phạm tội này chủ yếu xuất phát từ tính nóng nảy, hiếu thắng, thích thể hiện bản thân, chỉ vì những xích mích, mâu thuẫn nhỏ nhặt mà dẫn đến to tiếng, xô xát và thậm chí đánh nhau gây thương tích, dẫn đến những hậu quả đáng tiếc xảy ra.



Tội “*Cướp tài sản*”, “*Cướp giết tài sản*” cũng là những loại tội phạm khá phổ biến. Loại tội phạm này thường được thực hiện bởi những NCTN có thói hung hãn, chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi các loại phim ảnh hành động bạo lực. Thông thường, hành vi phạm tội có tính chất trắng trợn, liều lĩnh, lợi dụng số đông gây áp lực hoặc sử dụng bạo lực, hung khí để chiếm đoạt tài sản. Trong tình hình hiện nay, các loại tội phạm về chiếm đoạt tài sản nói chung và tội phạm “*Cướp tài sản*”, “*Cướp giết tài sản*” nói riêng ngày càng có nguy cơ gia tăng, diễn biến phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, táo bạo đã gây nhiều bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an ninh.

Thực trạng tình hình trên đây cho thấy, công tác xử lý người chưa thành niên phạm tội tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa đáp ứng được đòi hỏi của toàn xã hội, cần tiếp tục có những cơ chế, giải pháp mới để nâng cao hiệu quả công tác xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng.

## **2.2. Kết quả áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Trong những năm qua, tình hình xét xử án hình sự đối với những bị cáo là người chưa thành niên đã có nhiều tiến bộ rõ rệt. Thẩm phán được phân công xét xử đa số đều là những người có hiểu biết nhất định về tâm sinh lý của người chưa thành niên, cũng như hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của người chưa thành niên. Hoạt động xét xử những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên nhìn chung là đúng quy định pháp luật, bảo đảm về mặt tố tụng.

Trong những năm qua, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quán triệt tinh thần nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTN phạm tội, coi NCTN phạm tội là đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, một chủ thể cần được giúp đỡ, giáo dục để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy, trong quá trình xét xử, việc xử lý và áp dụng các chế tài hình sự đối với những vụ án có bị cáo là NCTN đều bảo đảm nguyên tắc - xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN không bị tước bỏ, mà luôn được bảo vệ, tôn trọng và bảo đảm bằng sự giám sát của xã hội, của cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương và đặc biệt là Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Chúng tôi đánh giá trong tất cả các bản án mà chúng tôi nghiên cứu, Tòa án nhân dân Quảng Ngãi đã nghiên cứu thì nêu trên thì Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Ngãi đã vận dụng, áp dụng pháp luật là hoàn toàn chính xác trong định tội đối với người chưa thành niên phạm tội, đa số các bản án thể hiện Tòa án áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phù hợp.

Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng các hình phạt chính như: “*Cảnh cáo*”, “*Phạt tiền*”, “*Cải tạo không giam giữ*”, “*Tù có thời hạn*”. Bên cạnh đó cũng có áp dụng các biện pháp tư pháp như: “*Giáo dục tại xã, phường, thị trấn*” và “*Đưa vào trường giáo dưỡng*” nhưng với tỷ lệ không lớn so với các hình phạt khác.

Về hình phạt chính là “*Phạt tiền*” đối với NCTN phạm tội: Đây là một loại hình phạt mới, trước đây pháp luật hình sự của Nhà nước ta không áp dụng “*Phạt tiền*” là hình phạt chính đối với NCTN phạm tội. Từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng hình phạt này đối với NCTN phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mới được công nhận. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc áp dụng hình phạt “*Phạt tiền*” rất hạn chế, vì đa số những bị cáo là NCTN đều sống phụ thuộc gia đình, chưa có thu nhập hoặc tài sản riêng.

Về hình phạt “*Cảnh cáo*”, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN phạm tội trong trường hợp vụ án có nhiều bị cáo và có nhiều lý do không thể tách họ riêng ra để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Việc áp dụng hình phạt “*Cải tạo không giam giữ*” đối với NCTN phạm tội cũng đã được áp dụng, nhưng không nhiều: có 16 bị cáo bị dùng hình phạt “*Cải tạo không giam giữ*” trong tổng số 84 bị cáo. Khi áp dụng hình phạt này Tòa án không khấu trừ thu nhập của người phạm tội, không buộc NCTN phải cách ly xã hội mà giao người bị kết án cho cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục và gia đình giám sát, giáo dục. Để tạo cơ sở cho Tòa án khi xét xử, ngày 30/10/2000 Chính phủ đã ban hành “*Nghị định số 60/2000/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ*”. Nghị định đã quy định rất cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người bị kết án, trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, gia đình trong việc giám sát giáo dục NCTN bị kết án. Sau khi Nghị định có hiệu lực pháp luật, việc áp dụng hình phạt “*Cải tạo không giam giữ*” đối với NCTN phạm tội tăng lên đáng kể so với khi chưa có Nghị định.

Về hình phạt “*Tù có thời hạn*”, theo thống kê Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Quảng Ngãi hình phạt tù bao giờ cũng là hình phạt được áp dụng nhiều nhất, chiếm đại đa số các bản án. Theo ý kiến của các Thẩm phán thì hình phạt tù được coi là có hiệu quả, không gặp phải nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Quảng Ngãi thường áp dụng “*Án treo*” trong quá trình xét xử nhằm tạo điều kiện cho những bị cáo là NCTN tiếp tục học tập, làm ăn sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình nơi người đó làm việc, công tác, học tập hoặc cư trú. Để tạo cơ sở cho Tòa án xem xét cho người phạm tội được hưởng án treo (trong đó có NCTN phạm tội), ngày 30/10/2000 Chính phủ đã ban hành “*Nghị định số 61/2000/NĐ-CP hướng dẫn việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo*”. Nghị định đã quy định đầy đủ và chi tiết trách nhiệm cam kết của gia đình trong quá trình thử thách của người phạm tội. Đây là một sự kết hợp có hiệu quả, phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước là luôn quan tâm đến giáo dục, cải tạo hơn là trừng trị đối với NCTN phạm tội.

Một số vụ án người chưa thành niên phạm tội sau đây chúng tôi đánh giá là các tòa án đã áp dụng pháp luật hình sự đúng để giải quyết.

Vụ án 1: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/4/2012, trong lúc Trạ, Lợi, Vương đang tham dự tiệc rượu tại nhà anh Thiên (anh trai của Trạ) thì cháu Nguyễn Thị Thùy Dung đến ngồi chơi nói chuyện cùng với Trạ. Một lúc sau Trạ chủ động rủ Vương, Lợi và Dung đi hát karaoke thì cả bọn đều đồng ý nên Trạ lấy xe máy của gia đình Nguyễn Minh chở Dung, Lợi, Vương đến quán karaoke Hoài Ân ở Đồng Xít (Nghĩa Hành) để hát và uống bia. Tại đây cả bọn uống hết 15 chai bia Dung Quát (cháu Dung có uống 01 ly). Trong lúc Dung đang ngồi trong phòng hát karaoke thì Trạ gọi Vương, Lợi ra ngoài và rủ rê “*Tụi bây muốn chơi (giao cầu) với Dung không? Xíu nữa vào chơi bé Dung mà đĩa nào để nhả khí (xuất tinh) vào âm đạo Dung để mang thai thì đĩa đó phải chịu*” thì cả Vương và Lợi đều đồng ý cùng tham gia giao cầu với Dung. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi thanh toán tiền karaoke xong thì Trạ điều khiển xe máy chở Dung, Lợi đến nhà nghỉ Hoa Hồng để thuê phòng nhưng đã hết phòng nên Trạ chở Dung, Lợi đến thuê 01 phòng ở nhà nghỉ Lục Bát ở thị trấn Chợ Chùa, huyện

Nghĩa Hành để cùng nghỉ qua đêm, còn Vương được người đi đường cho đi nhờ xe đến sau. Tại đây các bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị Thùy Dung, cụ thể: Trụ đã giao cấu với cháu Dung 02 lần; Lợi giao cấu với cháu Dung 02 lần và Vương giao cấu với cháu Dung 01 lần. Tại thời điểm các bị cáo giao cấu với cháu Dung thì cháu Dung mới 12 tuổi 7 tháng 17 ngày nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Tấn Trụ vừa là chủ mưu, vừa là người thực hiện tội phạm tích cực. Trụ đã lợi dụng sự quen biết với cháu Dung để chở cháu Dung và đồng bọn đi thuê phòng nghỉ, rủ rê, kích động Lợi, Vương cùng thực hiện tội phạm và Trụ đã trực tiếp giao cấu với cháu Dung 02 lần. Các bị cáo Nguyễn Lợi, Nguyễn Minh Vương khi được Trụ rủ giao cấu với cháu Dung thì không những không ngăn cản mà đã đồng ý ngay và các bị cáo cũng đã thực hiện tội phạm rất tích cực.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội các bị cáo đều chưa thành niên, nên Tòa án đã áp dụng thêm Điều 69, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự để xử phạt đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tấn Trụ, Nguyễn Lợi, Nguyễn Minh Vương phạm tội “*Hiếp dâm trẻ em*”. Áp dụng Khoản 4 Điều 112; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Trụ 12 (mười hai) năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Lợi 9 (chín) năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Vương 9 (chín) năm tù.

Vụ án 2: Vào khoảng 16 giờ ngày 19/11/2012 Phạm Văn Tèo đến quán Internet Quỳnh Trang của anh Nguyễn Văn Trục ở cùng thôn để chơi game thì gặp Võ Văn Vinh, sinh năm 2001 và Nguyễn Văn Hưởng, sinh năm 1998 đều ở thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cũng đang chơi game tại quán. Tại đây, Hưởng hỏi Tèo “*Sao mà lấy Nick (tên đăng nhập dùng để chat) của tao?*”, Tèo trả lời “*không*

cơ” thì Hương dùng tay đánh vào mặt Tèo, được anh Trục chủ quán can ngăn nên không xảy ra thương tích gì. Sau đó, Tèo tính tiền và bỏ đi đến quán tạp hóa của bà Trần Thị Thơm ở gần đó mua bánh tráng ăn thì Võ Văn Vinh và Nguyễn Văn Hương đi theo tới quán và Hương đe dọa Tèo “*Mày ăn xong ra đây chết với tao*”, còn Vinh thì đến dắt chiếc xe đạp của Tèo qua sân nhà bà Trần Thị Đào ở sát bên quán tạp hóa của bà Thơm dựng tại đó. Trong lúc đang ăn bánh tráng, Tèo nhìn thấy con dao Thái Lan đang để sẵn trong ly nhựa trên bàn (con dao này thường ngày bà Thơm sử dụng vào việc mua bán tại quán), Tèo lén lấy con dao giấu trong lưng quần với mục đích nếu bị bọn Hương, Vinh đánh thì Tèo dùng dao đánh trả lại, rồi đi sang nhà bà Đào để lấy xe đạp. Lúc này, Hương và Vinh đang ngồi nói chuyện với Võ Tấn Linh, sinh năm 1998 ở thôn Tây, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn và Nguyễn Thành Trọng, sinh năm 1996 ở thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn tại sân nhà bà Đào, Tèo lên xe đạp định đi nhưng Vinh níu giữ lại, Tèo xuống xe thì Vinh hỏi tiếp “*Mày có lấy nick của Hương không?*”, Tèo trả lời “*Không lấy*”, Vinh liền dùng tay đánh (tát) vào mặt của Tèo 01 cái, Tèo không nói gì Vinh tiếp tục dùng tay đánh (tát) vào mặt Tèo 01 cái nữa (Tèo không bị thương tích gì lớn) rồi Vinh quay về phía bọn Hương cười. Lúc này Tèo đang đứng gần sát với Vinh, Tèo dùng tay phải rút dao giấu sẵn trong người ra đâm mạnh 01 nhát vào lưng Vinh rồi rút dao ra cầm tay, Vinh bị đâm bỏ chạy lảo đảo một đoạn rồi gục ngã xuống đất bất tỉnh. Thấy vậy, một số bạn của Vinh gọi người nhà đến đưa Vinh đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Lý Sơn, sau đó chuyển ra Bệnh viện Đà Nẵng để tiếp tục cấp cứu nhưng Võ Văn Vinh đã chết lúc 05 giờ ngày 20/11/2012 tại Bệnh viện Đà Nẵng. Phạm Văn Tèo sau khi đâm Vinh đã vớt con dao tại hiện trường rồi cưỡi xe đạp đi theo xuống Trung tâm y tế huyện Lý Sơn, sau đó đến cơ quan Công an đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Phạm Văn Tèo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của cháu Võ Văn Vinh khi cháu Vinh mới 11 tuổi 4 tháng 13 ngày nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*” theo điểm c khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Phạm Văn Tèo là người chưa thành niên nhưng bị cáo đã trên 14 tuổi (14 tuổi 3 tháng 02 ngày) nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt

ngghiêm trọng. Trong vụ án này, tội phạm mà bị cáo Phạm Văn Tèo đã thực hiện là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm mà mình đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên, bị cáo Phạm Văn Tèo là người chưa thành niên, khi phạm tội bị cáo mới 14 tuổi 3 tháng 02 ngày nên khả năng nhận thức còn nhiều hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại và người khác gây ra; ngay sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an đầu thú; trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại 30.000.000 đồng, được gia đình người bị hại bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên tòa án xem đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình. Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn Tèo phạm tội “*Giết người*”, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 93; các điểm b, đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 2 Điều 74 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Tèo 03 (ba) năm tù.

Vụ án 3: Khoảng 18 giờ ngày 01/02/2015, Huỳnh Ngọc Tuấn, Võ Văn Thương, Nguyễn Văn Trinh, Trần Beo, Đinh Thế Hoàng, Bùi Văn Sin, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quang Dự, Trần Lê Minh Trọng, Ngô Văn Trung (còn gọi là Trung đầu đỏ), Trần Duy Anh, Võ Văn Hạng, Nguyễn Danh Lộc, Lê Tấn Nam (đều trú tại xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) cùng đi nhậu và hát karaoke tại quán karaoke An Thịnh ở thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức.

Trong lúc đang hát karaoke, Trung mượn xe của Trần Duy Anh đến quán vịt nướng lu của ông Huỳnh Văn Khánh (ở thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi) mua mỗi nhậu cho một người tên là Chúc (làm nghề đi biển chung với Trung). Tại đây, Trung gặp nhóm thanh niên đang ngồi nhậu, gồm: Nguyễn Tấn Lực, Cao Văn Truyền (cùng trú tại: Thôn An Mô, xã Đức Lợi), Lê Hữu Phúc, Nguyễn Tuấn Thiên (cùng trú tại: Thôn Tân Định, xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức). Lúc này, Lực nhìn Trung và nói chuyện bình thường với mấy người ngồi nhậu chung, Trung nghe không rõ nhưng lại nghĩ rằng Lực nói gì về mình nên 02 bên xảy ra cãi vã. Cùng thời điểm này, Trọng ở quán karaoke điện thoại cho Trung hỏi “*Di đâu mà lâu vậy*”, Trung nói cho Trọng biết là có xảy ra mâu thuẫn với Lực ở quán vịt nướng lu và bảo Trọng chạy lên. Sau đó, Trung

tiếp tục điện thoại cho Trình và nói “Mày lên đây, tao đang có người gây chuyện ở quán vịt nướng lu”. Nghe vậy, Trình, Trọng, Sín, Thương, Dự và Tuấn cùng đi trên hai chiếc xe máy chạy lên quán vịt nướng lu để gặp Trung. Thấy nhóm của Trung đến đông nên Lực đi vào bên trong quán trốn và điện thoại cho Trần Đình Vương (trú tại: Thôn An Mô, xã Đức Lợi) nói “Em bị mấy thằng Đức Lợi đánh dưới quán vịt nướng lu”. Khi vào quán vịt nướng lu, Trọng cầm 02 vỏ chai bia Dung Quất của quán ném vào bàn của Phúc, Thiên, Truyền nhưng không trúng ai. Thấy vậy, ông Huỳnh Văn Khánh và Nguyễn Văn Trình can ngăn nên hậu quả chưa xảy ra và mọi người ra về. Trung mang mỗi nhậu cho ông Chúc; còn Trình, Trọng, Tuấn, Sín, Thương, Dự về lại quán karaoke An Thịnh tính tiền rồi cả bọn rủ nhau về nhà của Dự nhậu tiếp nhưng vì không đủ xe nên Trình, Trọng, Sín, Thương, Dự, Beo, Tuấn, Hạng, Anh, Hoàng về trước. Còn Tuấn, Nam và Lộc ở lại về sau.

Sau khi bị Trần Đình Vương dùng kiếm chém, gây thương tích nhẹ ở lòng bàn tay tại quán karaoke An Thịnh thì Tuấn đã đi về, nhưng khi nghe Trần Quang Dự nói nhóm của Vương đang kéo tới quậy phá tại nhà của Dự thì Tuấn đã giằng lấy cây kiếm trên tay Dự để đi đánh nhóm của Vương nhưng Dự không đưa, sau đó Tuấn lại chủ động nhặt khúc cây ở trên đường để tìm đánh nhóm của Vương. Khi thấy Vương và Đạt (đang đi ngược chiều, đối diện với Tuấn) tại khu vực nhà ông Do, bà Ánh (gần nhà Dự) thì Tuấn dùng hai tay cầm khúc cây đánh mạnh liên tiếp 02 cái vào vùng đầu của Vương, làm cho Vương bị ngã gục xuống đất bất tỉnh, đến khi Lực cầm dao chạy đến chỗ Vương và cùng Đạt đuổi đánh thì Tuấn mới bỏ chạy về nhà của Trung. Vương được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, sau đó chuyển ra Bệnh viện Đa khoa thành phố Đà Nẵng tiếp tục cứu chữa, đến tối ngày 02/02/2015 thì Vương chết. Theo Kết luận giám định pháp y số 170/PC54(GĐPY) ngày 06/02/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận nguyên nhân chết của Trần Đình Vương là do vết thương vùng đầu, gây chấn thương sọ não, làm vỡ xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết. Hành vi của bị cáo Huỳnh Ngọc Tuấn là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm (khúc tre có đường kính khoảng 05 - 06cm, dài khoảng 01m) đánh vào đầu là vùng xung yếu trên cơ thể của Trần Đình Vương, làm vỡ xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết, hành vi của

bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*” quy định Điều 93 Bộ luật hình sự và cần phải được xử lý nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này. Tuy nhiên, do người bị hại Trần Đình Vương đã vô cớ dùng kiếm chém gây thương tích ở lòng bàn tay phải của Huỳnh Ngọc Tuấn tại quán karaoke An Thịnh trước và chủ động rủ Lục, Đạt, Thiên, Phúc cầm vũ khí, hung khí đi tìm đánh nhóm của Tuấn. Nên hành vi phạm tội của bị cáo Tuấn có một phần lỗi của người bị hại Trần Đình Vương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc Tuấn về tội “*Giết người*” quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Ngọc Tuấn đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường 10.000.000 đồng cho gia đình người bị hại Trần Đình Vương; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (bà nội và cô ruột của Tuấn được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; cha của bị cáo Tuấn được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì); bị cáo đã từng tham gia đánh bắt hải sản tại Hoàng Sa và Trường Sa, góp phần bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Tòa án đã xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc Tuấn và Võ Văn Thương phạm tội “*Giết người*”; Nguyễn Tấn Lực phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; Trần Tấn Đạt và Nguyễn Văn Trình phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, áp dụng khoản 2 Điều 93; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Tuấn 09 (chín) năm tù, áp dụng khoản 2 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn Thương 08 (tám) năm tù, áp dụng khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Lực 03 (ba)



năm tù, áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Lực 09 (chín) tháng tù, áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Tấn Lực phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

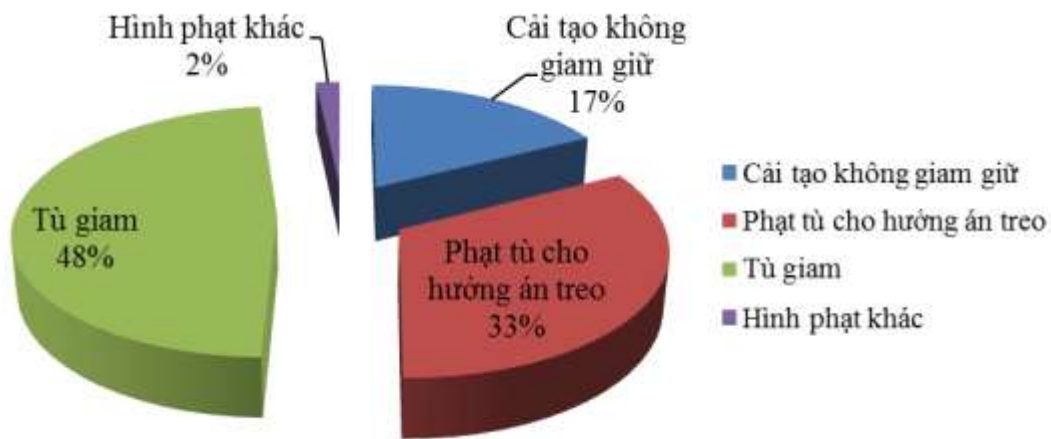
### **2.3. Một số vi phạm, sai lầm trong áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự để xét xử các vụ án hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi chúng tôi nhận thấy vẫn còn những vi phạm, sai lầm nhất định.

Bên cạnh việc áp dụng các hình phạt chính ra, trong quá trình xét xử, Tòa hai cấp của tỉnh Quảng Ngãi ít vận dụng các nguyên tắc xử lý khi xét xử đối với NCTN phạm tội trong xét xử với phương châm “*lấy giáo dục, phòng ngừa là chính*”, vẫn nặng về áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội.

***Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả xét xử tội phạm do người do người chưa thành niên thực hiện (từ 2012-2016)***

<b>Kết quả xét xử</b> <b>Loại tội</b>	<b>Cải tạo không giam giữ</b>	<b>Phạt tù cho hưởng án treo</b>	<b>Tù giam</b>	<b>Hình phạt khác</b>	<b>Số vụ đã xét xử</b>
Cướp tài sản	5	9	14	0	<b>28</b>
Cướp giết tài sản	5	11	21	0	<b>37</b>
Trộm cắp tài sản	12	12	24	0	<b>48</b>
Cố ý gây thương tích	7	12	18	0	<b>37</b>
Mua bán trái phép chất ma túy	0	2	0	0	<b>2</b>
Các tội khác	2	12	5	3	<b>22</b>
<b>Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là NCTN</b>	<b>31</b>	<b>58</b>	<b>82</b>	<b>3</b>	<b>174</b>



**Biểu đồ 2.3. Kết quả xét xử phạt đối với tội phạm chưa thành niên năm 2012 - 2016**

*Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*

Như vậy, nhìn chung đa số các bản án xét xử người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2012-2016 đều áp dụng hình phạt tù (gồm cả cho hưởng án treo và không cho hưởng án treo) trong đó tỷ lệ những bản án phạt tù không cho hưởng án treo lại cao hơn so với những bản án phạt tù cho hưởng án treo.

Việc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội đôi khi vẫn còn thiếu sót, có trường hợp thì áp dụng hình phạt quá nặng, có trường hợp lại áp dụng hình phạt quá nhẹ; có Tòa án còn áp dụng chưa đúng quy định về hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội. Một trong những điều kiện để áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội là họ phải có thu nhập hoặc có tài sản riêng, nhưng đôi khi Tòa án lại áp dụng hình phạt tiền đối với cả những bị cáo là người chưa thành niên không có thu nhập và không có tài sản riêng.

Tòa án hai cấp đã không áp dụng đầy đủ nguyên tắc công bằng trong quá trình quyết định hình phạt (QĐHP) đối với NCTN phạm tội.

Ví dụ 1: Trương Hoàng Huy, sinh ngày 02/8/1994; khi phạm tội 17 tuổi 04 tháng 05 ngày. Ngày 07/12/2011, do có mâu thuẫn với anh Tin, bị cáo Thắng đã rủ Bùi Long Hà, sinh ngày 09/01/1994; Phan Ngọc Tài sinh ngày 12/9/1994 đi tìm anh Tin để đánh nhau; khi đi bị cáo Huy đã lén lút lấy con dao Thái Lan cất vào trong người; khi

gặp anh Tin bị cáo Thăng rút dao đâm anh Tin, còn bị cáo Hà và Tài xông vào đánh anh Tin. Hậu quả anh Tin tỉ lệ thương tật 49%. Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST ngày 13/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã quyết định xử phạt ba bị cáo Huy, Hà và Tài đều 18 tháng tù là không tương xứng mức độ hành vi do các bị cáo gây ra (vì các bị cáo là NCTN phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ như nhau), trong khi đó bị cáo Huy là người chủ mưu cầm đầu, thực hiện hành vi (đâm anh Tin) gây ra hậu quả anh Tin tỉ lệ thương tật 49%. Nhưng Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa lại cho ba bị cáo được hưởng mức án ngang nhau là không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này mức án áp dụng đối với bị cáo Huy phải cao hơn mức án áp dụng cho bị cáo Hà và bị cáo Tài.

Ví dụ 2: Vũ Huy Hoàng, sinh ngày 02/6/1998; khi phạm tội 16 tuổi 02 tháng 23 ngày. Ngày 25/8/2014, Xa sinh ngày 09/10/1997, Mẫn sinh ngày 25/08/1997 rủ Hoàng cùng cướp giật, Hoàng đồng ý nên cả ba cùng xe mô tô do Mẫn lái xe áp chị Thanh đi xe điện còn Xa giật chiếc điện thoại trị giá 5.500.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2014/HSST ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt ba bị cáo Hoàng, Mẫn, Xa đều 12 tháng tù là không tương xứng mức độ hành vi do các bị cáo gây ra (vì các bị cáo là NCTN phạm tội có các tình tiết giảm nhẹ như nhau), trong khi đó bị cáo Hoàng là người tham gia với vai trò giúp sức. Nhưng Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi lại cho ba bị cáo được hưởng mức án ngang nhau là không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này mức án áp dụng đối với bị cáo Hoàng phải thấp hơn mức án áp dụng cho bị cáo Xa và bị cáo Mẫn và cũng không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội.

Tòa án hai cấp đã không áp dụng đầy đủ nguyên tắc nhân đạo trong quá trình QĐHP đối với NCTN phạm tội.

Ví dụ 1: Nguyễn Thị Oanh, sinh ngày 02/10/1995; khi phạm tội 17 tuổi 03 tháng 20 ngày. Ngày 22/7/2012, trên đường đi làm về bị cáo không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 110 cm<sup>3</sup> tham gia giao thông do trời tối, đèn xe mờ đã tông vào anh Chương đi bộ, hậu quả anh Chương chết. Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2013/HSST ngày 04/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ đã quyết định xử phạt bị cáo Oanh 12 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo có

nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Nhưng Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xử phạt bị cáo 12 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này mức án áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo.

Ví dụ 2: Phạm Hồng Minh, sinh ngày 20/10/1997; khi phạm tội 17 tuổi 05 tháng 02 ngày. Ngày 18/5/2014, Minh phát hiện trên xe mô tô của anh Thạnh đỗ ở quán cơm trên đường Quốc Lộ 1A có treo giỏ xách, Minh đã trộm giỏ xách trong đó có 01 laptop, 02 điện thoại di động, trị giá 8.500.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2014/HSST ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt bị cáo Minh 06 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn ở với bà ngoại, cha mẹ bị cáo đã ly hôn không quan tâm đến bị cáo, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Nhưng Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 12 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này mức án áp dụng cho bị cáo được hưởng mức không phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

Có nhiều trường hợp có đủ căn cứ để quyết định áp dụng hình phạt án treo đối với bị cáo chưa thành niên nhưng các Tòa án lại không cho hưởng án treo.

Ví dụ 1: Đàm Thanh Nhật, sinh ngày 01/4/1994; khi phạm tội 17 tuổi 03 tháng 01 ngày. Ngày 02/01/2011, Nhật đến chơi cùng bạn là Quế đang nghỉ ở khách sạn đã trộm cắp 13.880.100 đồng, bạn trai của Quế là người nước ngoài. Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2011/HSST ngày 27/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt bị cáo Nhật 03 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 12 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

Ví dụ 2: Lê Văn Tú, sinh ngày 15/5/1996; khi phạm tội 16 tuổi 06 tháng 11 ngày. Ngày 26/11/2012, Tú cùng Thắng đi xe mô tô giật hai điện thoại của Nhân và Nghĩa trị giá 1.010.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2013/HSST ngày 09/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt bị cáo Tú 18 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Nhưng Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 18 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo trong quyết định hình phạt. Lẽ ra, trong trường hợp này không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

Trong rất nhiều trường hợp có đủ căn cứ để quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo chưa thành niên nhưng các Tòa án lại không lựa chọn hình phạt này.

Ví dụ 1: Võ Tấn Tài, sinh ngày 08/4/1996; khi phạm tội 15 tuổi 03 tháng 06 ngày. Ngày 02/01/2011, Tài và Dật đi xe mô tô giật giỏ xách của chị Thảo trong xách có tài sản trị giá 1.830.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2012/HSST ngày 14/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã quyết định xử phạt bị cáo Tài 18 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là con Liệt sỹ, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Như vậy, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ (được quy định tại khoản 1 Điều 138 về tội trộm cắp tài sản) đối với Tài đầy đủ căn cứ và đảm bảo hiệu quả. Nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 18 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc nhân đạo trong quyết định hình phạt.

Ví dụ 2: Hoàng Văn Tú, sinh ngày 10/3/1996 khi phạm tội 15 tuổi 02 tháng 04 ngày. Ngày 06/01/2011, do có mâu thuẫn với anh Bình nên chặt phá cây của anh Bình thiệt hại 4.500.000 đồng. Bản án số 14/2011/HSST ngày 16/6/2011, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù là chưa xem xét đầy đủ các tình tiết: bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, hậu quả đã khắc phục, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là con Liệt sỹ, đang đi

học, hơn nữa bị cáo là NCTN phạm tội. Như vậy, đối với các trường hợp trên, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội là đầy đủ căn cứ và thích hợp.

Tòa án hai cấp vẫn còn tình trạng quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội quá nghiêm khắc.

Ví dụ 1: Hồ Văn Thanh, sinh ngày 10/3/1995, từ tháng 9/2010 đến tháng 4/2011 đã bốn lần giao cấu trái ý muốn cháu Lâm Thị M sinh ngày 10/3/1988. Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2011/HSST ngày 28/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt bị cáo Thanh 09 năm tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”. Nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại; có bố là thương binh và có công trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, hơn nữa bị cáo là người chưa thành niên ở độ tuổi chưa đủ 16 tuổi, theo quy định ở khoản 2 Điều 74 Bộ luật hình sự và hướng dẫn trong Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lại tuyên phạt bị cáo 09 năm tù là mức án quá nghiêm khắc.

Ví dụ 2: Tô Văn Hiền, sinh ngày 12/4/1997, ngày 20/8/2011 đã giao cấu trái ý muốn cháu Châu Thị A sinh ngày 15/01/2004. Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2013/HSST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định xử phạt bị cáo Hiền 08 năm tù về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”. Nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; đã tự nguyện cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại; hơn nữa bị cáo là người chưa thành niên ở độ tuổi chưa đủ 16 tuổi, theo quy định ở khoản 2 Điều 74 Bộ luật hình sự và hướng dẫn trong Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lại tuyên phạt bị cáo 08 năm tù là mức án quá nghiêm khắc.

Ngược lại, còn có Tòa lại áp dụng QĐHP đối với NCTN phạm tội còn quá nương nhẹ, chưa đủ sức răn đe, giáo dục.

Ví dụ 1: Hồ Văn Thi, sinh ngày 06/01/1994; khi phạm tội 16 tuổi 09 tháng 05

ngày. Ngày 11/10/2010, bị cáo đã lén lút lấy cắp máy tính xách tay của bà Ánh trị giá 6.000.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2012/HSST ngày 30/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã quyết định xử phạt bị cáo Thi 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Tổng hợp hình phạt mà bản án số 10/2011/HSST ngày 11/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã quyết định xử phạt bị cáo Thi 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Như vậy, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày 30/12/2012. Nghiên cứu các tình tiết của vụ án cho thấy các bị cáo tuy là NCTN phạm tội. Nhưng bị cáo vào năm 2009 bị xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã 6 tháng từ ngày 01/7/2009. Sau đó, ngày 22/5/2010 bị cáo tiếp tục trộm cắp bị Tòa án xét xử 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án theo bản án số 20/2012/HSST ngày 30/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn. Đến ngày 11/10/2010 bị cáo tiếp tục trộm cắp. Như vậy, trong khi chờ xét xử bị cáo tiếp tục trộm cắp máy tính xách tay của bà Ánh trị giá 6.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn lại tiếp cho bị cáo được hưởng án treo là không đủ sức răn đe và không có tác dụng cải tạo, giáo dục. Lẽ ra, trong trường hợp này phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, không cho bị cáo được hưởng miễn chấp hành phạt (án treo).

Bên cạnh đó, vẫn còn có một vài vụ án khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm tội chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Ví dụ 1: Đinh Triệu Nghĩa (17 tuổi 3 tháng 20 ngày) bị Tòa án huyện Ba Tư xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*”. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 BLHS tuyên phạt bị cáo 12 tháng tù. Trong khi đó bị cáo là người chưa thành niên nhưng đã dùng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt một cách công khai và nhanh chóng tài sản của chủ sở hữu là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 136 với mức tù 03 năm đến 10 năm. Tình tiết tăng nặng khi xem xét quyết định hình phạt với bị cáo ở đây là hành vi chiếm đoạt tài sản đã thực hiện nhiều lần gây thiệt hại về tài sản cho nhân dân và làm mất trật tự an

ninh, xã hội. Căn cứ vào Điều 74 BLHS thì mức hình phạt tối đa có thể áp dụng đối với bị cáo là 7 năm 6 tháng nhưng bị cáo chỉ chịu mức hình phạt 12 tháng tù là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi nguy hiểm của bị cáo.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, việc áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng như quy định tại khoản 3 Điều 70 BLHS thì Thẩm phán còn lúng túng và áp dụng chưa đúng quy định pháp luật do điều luật không quy định rõ tiêu chí để đánh giá tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Mặt khác, BLHS quy định việc đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, do Tòa án quyết định trong thời hạn từ 1 đến 2 năm. Như vậy, trường hợp khi xét xử người chưa thành niên gần 18 tuổi mà Tòa án quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, khi chưa hết thời hạn trong trường giáo dưỡng, họ đã trở thành người thành niên (đủ 18 tuổi hoặc hơn 18 tuổi) khiến cơ quan tư pháp lúng túng không biết xử lý thế nào khi chức năng của trường giáo dưỡng là chỉ thực hiện việc giáo dục đối với người dưới 18 tuổi. Nếu đưa họ ra khỏi trường giáo dưỡng thì bản án không được thi hành nghiêm minh. Do đó, nếu người chưa thành niên từ trên 17 tuổi đến dưới 18 tuổi thì nhiều Thẩm phán không áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng, vì thời hạn tối thiểu học tập, giáo dục tại trường giáo dưỡng là 1 năm.

Về việc miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, tại khoản 2 Điều 69 BLHS quy định: “Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục”. Thực tiễn, rất ít trường hợp người chưa thành niên phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 69 BLHS. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến quy định này ít có tính khả thi trong thực tiễn, trong đó có nguyên nhân từ ý thức chủ quan, cách xử lý của Thẩm phán (vì Điều luật chỉ quy định là “có thể” cho miễn trách nhiệm hình sự) nên nếu xét thấy bị cáo là người chưa thành niên chỉ phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì Thẩm phán thường chọn giải pháp là xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Một nguyên nhân nữa là việc sự mâu thuẫn trong chính BLHS, cụ thể là: Tại



khoản 2 Điều 69 BLHS quy định người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi họ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn... trong khi đó khoản 3 Điều 8 BLHS quy định “tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù”. Như vậy, Thẩm phán sẽ rất khó trong việc xác định bị cáo là người chưa thành niên “*phạm tội nghiêm trọng thì có gây hại không lớn hay không*”?. Mặt khác, khoản 2 Điều 69 BLHS quy định một trong các điều kiện để người chưa thành niên phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự là họ phải có “*nhiều tình tiết giảm nhẹ*”, nhưng không quy định rõ các tình tiết giảm nhẹ đó có phải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS hay không? quy định chưa rõ ràng như vậy cũng tạo nên sự thiếu thống nhất trong xét xử.

Về việc áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng: khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự quy định một căn cứ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là: “nếu thấy tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội” nhưng Điều luật không quy định rõ tiêu chí để đánh giá tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội nên đôi khi Thẩm phán còn lúng túng và áp dụng chưa đúng quy định pháp luật.

Mặt khác, Bộ luật Hình sự quy định việc đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, do Tòa án ấn định trong thời hạn từ một đến hai năm. Như vậy, trường hợp khi xét xử người thành niên gần 18 tuổi mà Tòa án quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thì khi chưa hết thời hạn trong trường giáo dưỡng, họ đã trở thành người thành niên (đủ 18 tuổi hoặc hơn 18 tuổi), thì thực tế Cơ quan tư pháp lúng túng không biết xử lý thế nào khi chức năng của trường giáo dưỡng là giáo dục đối với người dưới 18 tuổi; nếu đưa họ ra khỏi trường giáo dưỡng thì bản án không được thực hiện nghiêm minh. Do đó, người chưa thành niên từ đủ 17 tuổi đến dưới 18 tuổi thì không nên áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng vì thời hạn tối thiểu học tập, giáo dục tại trường giáo dưỡng là 1 năm.

## **2.4. Những yếu tố tác động đến hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội**

### **2.4.1. Hoạt động xây dựng pháp luật**

Trước hết, hoạt động áp dụng pháp luật có liên quan rất chặt chẽ với hoạt động

xây dựng pháp luật. Để thực hiện và áp dụng pháp luật có hiệu quả trước hết phải có pháp luật tốt. Nói cụ thể hơn là phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, sát thực tế, phù hợp với các quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế- xã hội, phù hợp với những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, tâm lí, tổ chức ... mà trong đó pháp luật sẽ tác động, đáp ứng những nhu cầu đòi hỏi của đất nước ở mỗi thời kì phát triển. Sau khi đã ban hành pháp luật, vấn đề quan trọng có ảnh hưởng tới việc thực hiện, áp dụng pháp luật là tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân để mọi người nắm được các quy định của pháp luật, từ đó họ có ý thức tự giác tuân theo pháp luật.

#### ***2.4.2. Trình độ văn hóa pháp lí của cán bộ và nhân dân***

Hoạt động áp dụng pháp luật không những có liên quan chặt chẽ đến hoạt động xây dựng pháp luật mà sự hoàn thiện của hoạt động áp dụng pháp luật còn đòi hỏi trình độ pháp lí của cán bộ, nhân dân trong xã hội. Vì vậy cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân, tạo lòng tin của nhân dân vào pháp luật để từ đó họ có những hành vi pháp luật tích cực, biết sử dụng pháp luật vào việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cũng như của người khác và đấu tranh không khoan nhượng với các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật trong xã hội

#### ***2.4.3. Công tác tổ chức và cán bộ của các cơ quan có thẩm quyền áp dụng pháp luật***

Áp dụng pháp luật vốn là hoạt động do các cơ quan hoặc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành như cơ quan hành chính, Tòa án, Viện kiểm sát, Công an. Do tính chất quan trọng và phức tạp của hoạt động áp dụng pháp luật nên chủ thể bị áp dụng có thể được hưởng lợi ích rất lớn nhưng cũng có thể phải chịu những hậu quả bất lợi nên trong pháp luật luôn có sự xác định rõ ràng cơ sở, điều kiện, trình tự thủ tục... của chủ thể trong quá trình áp dụng pháp luật. Chính vì vậy các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần được tổ chức một cách khoa học, có sự phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của mỗi cơ quan, mỗi bộ phận để tránh hiện tượng chồng chéo, mâu thuẫn cản trở nhau trong công việc của các cơ quan này. Sự không thống nhất, không phân định rõ ràng phạm vi, lĩnh vực hoạt động hoặc thẩm quyền của

các cơ quan dễ dẫn đến có những vụ việc thì nhiều cơ quan tranh nhau giải quyết nhưng lại có những vụ việc thì đùn đẩy không cơ quan nào nhận trách nhiệm giải quyết. Trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan áp dụng pháp luật phải đảm bảo tính năng động, chủ động, sáng tạo, sự độc lập của mỗi cơ quan hoặc mỗi bộ phận đồng thời đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, giữa các bộ phận cùng tham gia áp dụng pháp luật cũng như sự phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan áp dụng pháp luật với các cơ quan khác của Nhà nước hoặc với các tổ chức xã hội .

Đặc biệt, hoạt động hiệu quả của các cơ quan áp dụng pháp luật còn thể hiện ở sự thông thạo các công việc mà họ đảm nhận và thực hiện chúng với tinh thần trách nhiệm cao, tránh hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, trì trệ, giấy tờ hình thức hoặc thờ ơ lãnh đạm đối với số phận, tính mạng con người, với tài sản của Nhà nước và của nhân dân. Thực tế cho thấy sự quan liêu, chậm trễ, thiếu tinh thần trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc một số cán bộ có chức có quyền trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân dẫn đến nhiều vụ việc đơn giản lại trở nên phức tạp, nhiều sự oan ức bất bình trong nhân dân không giải quyết được gây ra hậu quả không thể lường trước .

#### ***2.4.4. Văn bản áp dụng pháp luật***

Khi nói tới hoạt động áp dụng pháp luật thì chúng ta không thể không nhắc tới các văn bản áp dụng pháp luật bởi tính hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng, sự tác động của các văn bản áp dụng pháp luật. Quá trình áp dụng pháp luật phải thông qua một số giai đoạn nhất định, các giai đoạn đó được thực hiện nhờ sự trợ giúp của các văn bản áp dụng pháp luật. Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp lí cá biệt, mang tính quyền lực do các chủ thể có thẩm quyền ban hành trên cơ sở pháp luật theo trình tự thủ tục luật định nhằm điều chỉnh cá biệt đối với cáctổ chức, các nhân cụ thể trong những trường hợp cụ thể như bản án, quyết định, sự xác nhận của cơ quan nhà nước... Do vậy trong tất cả các trường hợp các văn bản áp dụng pháp luật phải được ban hành đúng lúc, đúng đối tượng và phù hợp với một số yêu cầu sau: văn bản áp dụng pháp luật phải hợp pháp, nghĩa là nó được ban hành đúng thẩm quyền hoặc nhà chức trách chỉ được ban hành một số văn bản áp dụng pháp luật nhất định theo quy định của pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật phải được

ban hành có cơ sở thực tế, nghĩa là nó được ban hành căn cứ vào những sự kiện, những đòi hỏi thực tế đầy đủ, chính xác và đáng tin cậy.

#### ***2.4.5. Ý thức pháp luật của người áp dụng pháp luật, người bị áp dụng pháp luật, chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật và chủ thể bị áp dụng pháp luật***

Ý thức pháp luật có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động áp dụng pháp luật. Tất cả các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật, chủ thể bị áp dụng pháp luật, người áp dụng pháp luật và người bị áp dụng pháp luật đều cần có ý thức pháp luật để điều chỉnh hành vi của mình và hành vi của các chủ thể khác phù hợp với mục đích, yêu cầu của pháp luật.

Ý thức pháp luật là tổng thể những học thuyết, quan điểm, quan niệm thịnh hành trong xã hội thể hiện mối quan hệ của con người đối với pháp luật và sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp với các hành vi pháp lý thực tiễn. Khi ra các quyết định nhất là các văn bản áp dụng pháp luật cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền phải căn cứ vào quy định của pháp luật chứ không thể căn cứ vào những động cơ các nhân, cục bộ vì hoạt động này liên quan đến quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể đặc biệt là đối với chủ thể bị áp dụng pháp luật. Do đó các quyết định áp dụng pháp luật phải được ban hành đúng thẩm quyền, đúng tên gọi, trình tự thủ tục do pháp luật quy định, tổ chức thi hành quyết định đó trên thực tế. Nói chung áp dụng pháp luật là một quá trình phức tạp đòi hỏi người áp dụng pháp luật phải có ý thức pháp luật cao nếu không có ý thức pháp luật cao thì chủ thể bị áp dụng pháp luật sẽ rất khó để nhận thấy rằng ý thức pháp luật đã có tác động tích cực đến quá trình thực hiện nghiệp vụ của chủ thể tiến hành.

Ý thức pháp luật của cán bộ có thẩm quyền áp dụng pháp luật càng cao thì hoạt động áp dụng pháp luật của họ càng đúng đắn và hiệu quả. Chủ thể áp dụng pháp luật nhân danh quyền lực nhà nước nên hoạt động áp dụng pháp luật có tính chất bắt buộc với chủ thể bị áp dụng vì thế hoạt động này không chỉ thể hiện ý thức của người trực tiếp áp dụng pháp luật mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành, thay đổi thái độ tình cảm pháp luật của người bị áp dụng. Nếu họ thực hiện những hành vi sai trái thì vô tình sẽ dẫn đến thái độ coi thường pháp luật của người dân và nguy hiểm hơn là có thể làm cho nhân dân không còn niềm tin vào pháp luật và chế độ nữa.

Ngược lại nếu những người áp dụng pháp luật có ý thức pháp luật cao thì nhân dân sẽ có niềm tin vào pháp luật, thấy được giá trị của việc tôn trọng pháp luật và thực hiện chính xác, tuân theo pháp luật và vận động người khác làm theo pháp luật.

Ý thức pháp luật và hành vi của cán bộ công chức nhà nước có ảnh hưởng sâu rộng, trực tiếp đến nhiều cá nhân khác nhất là hoạt động pháp luật của đội ngũ cán bộ tư pháp bởi một trong những thẩm quyền quan trọng của họ là có thể ban hành những nghị quyết làm pháp sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một hay nhiều quyền hạn hay nhiệm vụ pháp lí, có thể đưa lại lợi ích hoặc thiệt hại cả về vật chất lẫn tinh thần cho các tổ chức, cá nhân khác. Do đó đối với cán bộ trong hoạt động tư pháp thì ý thức pháp luật càng cần được chú trọng. Hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật cần phải hiểu nội dung của quy phạm, xác định rõ các đặc trưng pháp lí của sự vụ có liên quan để ban hành văn bản áp dụng pháp luật chính xác, hợp pháp. Mọi sai sót trong quá trình cụ thể hóa quyền, nghĩa vụ hoặc cá biệt hóa chế tài pháp luật đều có nguy cơ phá vỡ tính đúng đắn của quá trình áp dụng pháp luật. Vì vậy, chỉ có thể đem lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động áp dụng pháp luật khi ý thức của các cá nhân có thẩm quyền được bảo đảm. Nâng cao trình độ văn hóa pháp lí, ý thức pháp luật, hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng... là những đòi hỏi cần thiết đối với những người áp dụng pháp luật trên thực tế. Không những thế ý thức pháp luật còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong các trường hợp các quy phạm pháp luật hiện hành bị lạc hậu, không đáp ứng được một cách đầy đủ, chính xác những đòi hỏi của sự phát triển của xã hội hoặc trong những trường hợp cần giải quyết vụ việc không có pháp luật điều chỉnh cần áp dụng pháp luật tương tự. Trong những trường hợp đó người trực tiếp áp dụng pháp luật sẽ căn cứ vào ý thức pháp luật, các nguyên tắc và niềm tin nội tâm của mình để giải quyết vụ việc theo những cách khác nhau để phù hợp. Thực tế cho thấy không ít trường hợp do mục đích động cơ cá nhân hoặc những nguyên nhân khác nhau mà người có thẩm quyền áp dụng pháp luật đã cụ thể hóa mục đích trái hẳn hoặc không phù hợp với mục đích xã hội. Do vậy cần có những hoạt động kiểm tra, giám sát thật chặt chẽ quá trình áp dụng pháp luật đồng thời phải có biện pháp xử lí nghiêm minh những người cố ý áp dụng pháp luật không đúng, không phù hợp với mục đích xã hội.

#### ***2.4.6. Những điều kiện vật chất- kỹ thuật cần thiết đảm bảo cho hoạt động áp dụng pháp luật***

Hoạt động áp dụng pháp luật còn chịu ảnh hưởng của những điều kiện đảm bảo cần thiết về vật chất- kỹ thuật. Nhiều văn bản pháp luật, nhiều quy định của pháp luật muốn được thực hiện trong thực tế đòi hỏi phải có một chi phí rất lớn về sức người và trang bị vật chất- kỹ thuật. Vì thế kinh phí hoạt động cho hoạt động áp dụng pháp luật là một trong điều kiện cần thiết quan trọng để việc áp dụng pháp luật có hiệu quả. Bên cạnh đó cũng cần quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của người trực tiếp áp dụng pháp luật và gia đình họ, giúp họ giảm bớt những khó khăn về vật chất để họ có thể tận tâm dồn hết thời gian, sức lực, trí tuệ cho công việc, không bị mua chuộc về vật chất, giữ thái độ vô tư khách quan.

Hoạt động áp dụng pháp luật cũng phải luôn tuân theo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tất cả các công đoạn, đấu tranh không khoan nhượng với những biểu hiện vi phạm pháp luật, những hành vi áp dụng pháp luật không đúng, không phù hợp.

Ngoài những yếu tố trên thì hoạt động áp dụng pháp luật còn chịu ảnh hưởng của một số yếu tố khác như chất lượng hệ thống pháp luật, chất lượng của quy phạm pháp luật.

### **Kết luận Chương 2**

Thông qua khái quát về tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và phân tích thống kê số liệu và các bản án hình sự về thực tiễn áp dụng pháp luật đối với NCTN phạm tội của Tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ngãi, tác giả đã chỉ ra những hạn chế, bất cập và tồn tại và đánh giá khái quát nguyên nhân của thực trạng trên là tiền đề cho việc hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả vấn đề áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội.

**CHƯƠNG 3**  
**YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP**  
**NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**  
**ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI**

**3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội**

Với tư tưởng xuyên suốt toàn bộ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta là lấy *giáo dục* làm mục tiêu chính trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội mà Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 đã thể hiện rõ tinh thần này. Do đó, để phù hợp với tinh thần của Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà nước ta đã tham gia và với những chuẩn mực quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, cũng như khắc phục một số điểm bất cập, vướng mắc như đã nêu ở chương II, sự cần thiết hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được xác định như sau:

*Thứ nhất*, để khẳng định quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội là phải bảo đảm các quyền cơ bản của người chưa thành niên phạm tội, đặc biệt là những quyền cơ bản về phát triển cá nhân và giáo dục. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có thêm định hướng rõ ràng khi xử lý người chưa thành niên phạm tội. Đối với những vụ án có người chưa thành niên, thì sự xem xét, cân nhắc để đưa ra quyết định cuối cùng phải dựa trên lợi ích bảo vệ hạnh phúc và tương lai của các em. Nguyên tắc này cũng phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 3 Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên hợp quốc: “*Trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, dù do các cơ quan phúc lợi xã hội công cộng hay tư nhân, Tòa án, các nhà chức trách hành chính hay các cơ quan lập pháp tiến hành thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu*” [16].

*Thứ hai*, theo khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999, thì người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, nếu người chưa

thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị Tòa án tuyên là có tội thì chỉ có hai chế tài pháp lý hình sự được áp dụng với họ bao gồm - đưa vào trường giáo dưỡng và hình phạt tù có thời hạn. Tuy nhiên, cả hai chế tài này đều tước quyền tự do của người chưa thành niên phạm tội. Như vậy, rõ ràng điều này chưa phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là lấy giáo dục, phòng ngừa làm mục tiêu chính trong việc xử lý người chưa thành niên phạm tội và cũng chưa đáp ứng được với những yêu cầu của Công ước quốc tế về quyền trẻ em và những Quy tắc của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên.

Thực tiễn cho thấy, có nhiều ảnh hưởng xấu đối với một cá nhân sống trong môi trường mất tự do, đặc biệt đối với người chưa thành niên là những người dễ bị ảnh hưởng tiêu cực. Hơn nữa, các ảnh hưởng tiêu cực không chỉ vì mất tự do mà còn vì bị tách khỏi môi trường xã hội bình thường, đối với người chưa thành niên thì thực sự là nghiêm trọng hơn so với người trưởng thành vì đối tượng này đang ở giai đoạn phát triển ban đầu. Cũng vì lý do này mà *Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về tư pháp người chưa thành niên* đã khuyến nghị nếu buộc phải giam giữ người chưa thành niên thì phải hạn chế sự mất tự do đến mức thấp nhất có thể với những sắp xếp đặc biệt và lưu ý đến sự khác nhau giữa những người phạm tội, tội phạm và các cơ sở giam giữ. Vì vậy, để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên, nhằm khẳng định rằng giáo dục, phòng ngừa luôn là mục tiêu hàng đầu trong việc xử lý đối tượng này đặt ra yêu cầu cần bổ sung thêm nguyên tắc quy định *việc áp dụng biện pháp giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội phải luôn là biện pháp cuối cùng và chỉ trong một thời gian cần thiết tối thiểu*, đồng thời sửa đổi, bổ sung các hình phạt cụ thể áp dụng đối với người chưa thành niên theo định hướng của nguyên tắc này.

*Thứ ba*, theo Bộ luật hình sự năm 1999 ngoài các hình thức xử lý hành chính và xử lý hình sự (xử lý chính thức), chúng ta chưa xác lập khung pháp lý riêng cho các hình thức xử lý khác mang tính giáo dục, phòng ngừa xã hội đối với người chưa thành niên phạm tội, với ý nghĩa tạo cơ hội cho họ tự kiểm soát, nhận thức được những hành vi sai trái của mình và chịu trách nhiệm những hành vi đó, đồng thời còn có vai trò giảm tới mức thấp nhất các hậu quả tiêu cực khi người chưa thành niên phạm tội bị



xử lý hình sự hoặc hành chính thì rất cần thiết để thúc đẩy xây dựng các *biện pháp thay thế* trong xử lý người chưa thành niên phạm tội.

*Thứ tư*, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng người trẻ tuổi, đặc biệt là trẻ em và người chưa thành niên rất dễ bị ảnh hưởng do bị mất danh dự và rất nhiều hậu quả xấu có thể xảy ra. Vì vậy, việc bảo vệ người chưa thành niên khỏi những tác động có hại của việc công khai những thông tin về việc người chưa thành niên vi phạm pháp luật hay phạm tội có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự năm 1999 chưa quy định về mặt nguyên tắc việc bảo vệ sự riêng tư của người chưa thành niên trong quá trình xử lý họ. Do đó, cần thiết có quy định về việc bảo vệ những thông tin cá nhân (riêng tư) trong quá trình tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

*Thứ năm*, để phù hợp với các nguyên tắc xử lý của pháp luật Việt Nam và quốc tế, đồng thời thực tiễn áp dụng nhiều hình phạt tự (xem Bảng 2.1 Chương 2 luận văn này); cũng cần có quy định về những trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự hoặc xử lý chuyên hướng giúp người chưa thành niên phạm tội có khả năng tái hòa nhập với cộng đồng cao.

Trong bối cảnh thực hiện công cuộc đổi mới được phát động từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, giai đoạn từ nay đến năm 2020 có tính chất quan trọng, là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Tuy có nhiều thuận lợi là sự ổn định chính trị - xã hội, bên cạnh đó là hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phù hợp đang phát huy trong đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt là quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế, ngoại giao của nước ta đang được mở rộng và thu được nhiều kết quả tốt. Tuy nhiên cũng có những khó khăn, trong lĩnh vực xã hội còn nhiều tồn tại, các tệ nạn xã hội đang phát triển, tham nhũng và suy thoái đạo đức ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng... Tội phạm và tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng... [18, tr.66]; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi [1, Mục I-B] nhiều loại tội phạm mới xuất hiện và diễn biến phức tạp, trong đó có tội phạm do người chưa thành niên thực hiện gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng như toàn xã hội.

Thực tế, trong vòng 6 năm (2007 - 2013), trên cả nước đã xảy ra 63.600 vụ án

hình sự do trẻ vị thành niên gây ra, với 94.300 đối tượng là trẻ vị thành niên phạm tội, tăng gần 4.300 vụ án so với 6 năm trước đó (theo báo cáo của Ban chỉ đạo Đề án IV “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên” của Bộ Công an). Và số liệu tại Hội thảo “Chính sách hình sự và thực tiễn công tác thi hành án hình sự, thi hành biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên phạm tội” do Ủy ban tư pháp của Quốc hội tổ chức, trung bình hàng năm xảy ra gần 10.000 vụ vi phạm pháp luật hình sự với gần 15.000 đối tượng [31].

Mặt khác, trước yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền, hòa nhập với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế... đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, mà một trong những biện pháp quan trọng là hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng. Bởi lẽ, việc đổi mới pháp luật và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, đúng như GS.TSKH. Lê Cẩm, chính là một trong nhiều yếu tố cơ bản “*mà nếu như thiếu nó thì việc xây dựng Nhà nước pháp quyền không thể thành công, vì các quy định của pháp luật hình sự chính là những căn cứ pháp lý quan trọng nhất của Nhà nước pháp quyền*” [5, tr.70].

Hơn nữa, về vấn đề này, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị “*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*” đã nhận định: Nhìn chung, hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng, đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản pháp luật chưa cao... Do đó, Nghị quyết cũng đã đề xuất mục tiêu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch...* (Mục 1 Phần I - Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật); *Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm theo hướng xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa...* (Mục 5 Phần II - Định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật) [3].

Chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với người chưa thành niên phạm tội có vị trí đặc biệt trong chính sách đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta. Xét riêng trong lĩnh vực pháp luật hình sự cũng cần có nhiều nội dung điều chỉnh đặc biệt và nhân đạo đối với người chưa thành niên phạm tội, bảo đảm thực hiện đầy đủ và thống nhất theo đúng các nguyên tắc và quy định của Bộ luật hình sự nhằm đáp ứng được yêu cầu của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm do đối tượng là người chưa thành niên thực hiện và khi áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ cũng nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa và đặt lợi ích của người chưa thành niên lên hàng đầu. Do đó, việc hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội có ý nghĩa quan trọng dưới các góc độ chính sau đây:

*Một là, dưới góc độ chính trị - xã hội, góp phần cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam đối với người chưa thành niên phạm tội vào trong Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và pháp luật thi hành án hình sự để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta, cũng như bảo vệ và tôn trọng các lợi ích thiết thực của người chưa thành niên phạm tội. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã khẳng định: “Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức...” [17, tr.107].*

Ngoài ra, việc hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự nước ta về áp dụng pháp luật hình sự với tính chất là một giá trị pháp lý tiến bộ, nhân đạo đối với người chưa thành niên phạm tội mang ý nghĩa chính trị - xã hội và vì con người, vì trẻ em sâu sắc. Trên cơ sở này, góp phần phục vụ cho công tác điều tra, truy tố và đặc biệt là xét xử và áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng nguyên tắc và đúng pháp luật, lấy việc giáo dục, phòng ngừa là chính.

*Hai là, dưới góc độ khoa học - nhận thức, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội có ý nghĩa làm sáng tỏ những vấn đề pháp lý về chính sách hình sự của*

Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội; phân tích những quy định của Bộ luật hình sự về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để nhận thức và áp dụng thống nhất.

*Ba là, dưới góc độ lập pháp hình sự, việc hoàn thiện này còn góp phần giúp cho các nhà làm luật nhận thấy những “kẽ hở”, “lỗ hổng” của những quy định về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để loại trừ những quy định đã lạc hậu, thiếu chính xác về mặt khoa học hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới cũng đòi hỏi pháp luật hình sự nước ta áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội cần phù hợp và có sự tham khảo, chọn lọc các quy định của pháp luật hình sự các nước đặc biệt là các văn bản, công ước quốc tế về quyền trẻ em, về bảo vệ các quyền của người chưa thành niên, cũng như góp phần nhân đạo hóa hơn nữa chính sách hình sự của Nhà nước. Cụ thể, Bộ luật hình sự năm 2015 của Quốc hội cũng đã nhấn mạnh nội dung này, tại khoản 1 Điều 91 BLHS nêu rõ nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: “Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội” [43, tr.32].*

Tuy các nguyên tắc xử lý đó được quy định trong BLHS nhưng vẫn cần có các văn bản hướng dẫn và tiếp tục hoàn thiện hơn nữa dưới góc độ lập pháp hình sự - với ý nghĩa nhân văn cao cả pháp luật cần phải vì con người, vì quyền và lợi ích của người chưa thành niên, cũng như việc thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất trong thực tiễn xét xử.

### **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội**

#### **3.2.1. Những quy định về người chưa thành niên phạm tội đã được hoàn thiện trong Bộ luật hình sự 2015**

##### **3.2.1.1. Những điểm đã hoàn thiện pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo Bộ luật hình sự năm 2015 đó là**

Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật lập pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập cũng như phù hợp với tình hình

thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Với những nội dung sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện kể cả về kết cấu, bố cục, nội dung đã khắc phục phần lớn những bất cập trong BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành, trừ những quy định có lợi đối với người phạm tội. Hiện nay, Chính phủ đã soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự trình Quốc hội xem xét, quyết định. Tại dự thảo, Ban soạn thảo đã kế thừa chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước trong việc xử lý hình sự đối với người chưa thành niên được ghi nhận trong BLHS năm 1999, đồng thời, có những quy định làm sâu sắc thêm chính sách nhân đạo và tính nhất quán trong chính sách xử lý đối với đối tượng phạm tội này trên tinh thần bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em. Cụ thể:

*Thứ nhất*, thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Bộ Luật Hình sự năm 2015 sử dụng thuật ngữ người dưới 18 tuổi phạm tội (không sử dụng thuật ngữ người chưa thành niên). Khắc phục quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội phạm mà người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự là khá rộng và những quy định này chưa rõ ràng, Bộ luật hình sự năm 2015 đã chỉ rõ hơn những tội phạm cụ thể mà người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự. Cụ thể, họ chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện 29 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự thuộc 04 nhóm tội phạm: (1) Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; (2) Các tội xâm phạm sở hữu; (3) Các tội phạm về ma túy; (4) Các tội xâm phạm an toàn công cộng. Ngoài ra, người chưa thành niên cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 04 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự. Đó là các tội: giết người; cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; cướp tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, có thể thấy, trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nghiêm trọng và tính phổ biến của hành vi phạm tội do người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi gây ra trong thời gian qua cũng như dự báo trong thời gian tới, quán triệt chính sách hình sự của Nhà nước Việt Nam, Bộ luật hình sự năm 2015 đã xác định nhóm các tội danh mà

người chưa thành niên trong độ tuổi này phải chịu trách nhiệm hình sự (kể cả trường hợp chuẩn bị phạm tội) chủ yếu tập trung vào các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người và an toàn công cộng (Khoản 2, Điều 12, Bộ luật hình sự năm 2015). Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định họ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm 21 tội danh trong số 314 tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự thuộc 04 nhóm tội phạm (các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người; các tội xâm phạm sở hữu và các tội xâm phạm an toàn công cộng).

*Thứ hai*, về miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

Nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự đối với người chưa thành niên, đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các văn kiện quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, phù hợp với xu hướng chung của thế giới, Bộ luật hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa các điều kiện miễn trách nhiệm hình sự áp dụng riêng cho từng đối tượng người chưa thành niên (người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Đồng thời, bổ sung ba biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp các em được miễn trách nhiệm hình sự, đó là: (1) khiển trách; (2) hòa giải tại cộng đồng; (3) biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Bộ luật cũng quy định rõ điều kiện áp dụng từng biện pháp cụ thể nêu trên.

*Thứ ba*, về các trường hợp được coi là không có án tích

Một điểm mới đáng lưu ý trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên là Bộ luật hình sự năm 2015 quy định rõ trong ba trường hợp người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích: (1) người bị kết án là người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; (2) người bị kết án là người đủ từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý; (3) người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp tư pháp (giáo dục tại trường giáo dưỡng).

Cùng với việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (chưa có hiệu lực pháp luật) đưa ra một chương chi tiết hơn về tố tụng hình sự áp dụng cho người dưới 18 tuổi bao gồm cả người bị buộc tội, nạn nhân và nhân chứng. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã dành ra một chương riêng - Chương XXVIII về Thủ tục đặc biệt áp dụng đối với người dưới

18 tuổi gồm 18 điều luật ( từ Điều 413 đến Điều 430). Khi tham gia tố tụng hình sự tại Tòa án, người dưới 18 tuổi là người bị buộc tội được bảo vệ bằng các thủ tục tố tụng đặc biệt dành riêng cho người chưa thành niên.

Cụ thể, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 yêu cầu một số vấn đề cơ bản cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi như sau: (1) Quy định cụ thể cách xác định tuổi của người chưa thành niên là người bị buộc tội trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà không xác định được chính xác tuổi của họ (các điều 416, 417). (2) Quy định việc tham gia tố tụng của người đại diện, nhà trường, tổ chức trong vụ án người chưa thành niên và sự có mặt trong phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi (Điều 420, 423). (3) Quy định về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, trường hợp đặc biệt cần xét xử kín (Khoản 1,2 Điều 423). (4) Quy định việc xét hỏi, tranh luận với bị cáo là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa (Khoản 4 Điều 423). (5) Hội đồng xét xử có thể áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thay thế xử lý hình sự đối với bị cáo (Khoản 6 Điều 423).

*3.2.1.2. Những vấn đề tiếp tục cần sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến pháp luật hình sự về NCTN phạm tội*

Bộ Luật Hình sự năm 2015 và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên trên tinh thần đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên. Tuy nhiên, vẫn có những quy định bất cập, cần được tiếp tục xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chủ trương nhân đạo hóa và chính sách xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của Nhà nước ta. Cụ thể:

*Thứ nhất, về phạm vi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội*

Mặc dù dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 đã có những quy định nhằm thu hẹp phạm vi xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, tuy nhiên, vẫn có 03 trường hợp mở rộng hơn phạm vi trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi so với quy định của BLHS năm 1999; theo đó đối tượng này phải chịu trách nhiệm hình sự cả đối với tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng thuộc 03 tội danh: cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của

người khác; hiếp dâm; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Quy định này của Dự thảo đã nhận được ý kiến trái chiều của các đại biểu Quốc hội. Có những ý kiến cho rằng khoản 2, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về 28 tội danh là không thống nhất, chưa tạo sự công bằng về chính sách hình sự. Đồng thời, quy định như vậy sẽ tạo kẽ hở cho các đối tượng phạm tội lợi dụng, lôi kéo người chưa thành niên vào việc thực hiện tội phạm. Bởi vì nó không đảm bảo tính khoa học, tính logic của quy định bởi cùng thực hiện một loại tội phạm nhưng đối với tội này thì phải chịu trách nhiệm hình sự, còn tội khác có thể nghiêm trọng hơn, nguy hiểm hơn nhưng không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cũng có những ý kiến khác lại băn khoăn quy định này không phù hợp với thực tế tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật do người dưới 18 tuổi thực hiện trong thời gian qua với xu hướng trẻ hóa tội phạm ngày càng tăng, đáng chú ý nhiều vụ án hình sự về tội nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do người chưa thành niên thực hiện.

Tiếp thu các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo đã đề xuất “sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 của BLHS năm 2015 theo hướng kế thừa quan điểm của BLHS năm 1999 là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng chỉ giới hạn trong một số tội danh cụ thể được liệt kê tại khoản 2 Điều 12 của BLHS năm 2015 nhằm bảo đảm tính nhất quán trong chủ trương nhân đạo hóa chính sách hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.” Tác giả cũng đồng quan điểm với đề xuất của Ban soạn thảo và đề nghị sửa lại Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung là: “Người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng” để xử lý hiệu quả hơn tình trạng người dưới 18 tuổi phạm tội.

*Thứ hai*, về mức phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Điều 101 BLHS năm 2015 quy định:

“Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi được quy định như sau:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất



*được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;*

*2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.”*

Nghiên cứu nội dung quy định trên, tác giả nhận thấy cụm từ “*mức phạt tù mà điều luật quy định*” ở đoạn cuối của khoản 1 và khoản 2 thật sự khó hiểu. Bởi nhà làm luật quy định chưa rõ ràng, cụ thể vì không rõ là mức phạt tù cao hay thấp, mức phạt tù của khoản nào của điều luật. Chính vì vậy, quy định này có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau: (1). Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư (đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) và không quá một phần hai (đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) mức phạt tù mà điều luật quy định dự định để áp dụng đối với người đủ 18 tuổi, vì tại khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015, có quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: “*Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất*”. (2). Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư (đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) và không quá một phần hai (đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) *mức phạt tù cao nhất* mà điều luật quy định/ mà khung hình phạt của điều luật quy định.

Vì vậy, để việc áp dụng pháp luật được thống nhất dựa trên nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015, tác giả đề nghị cần sửa đổi quy định tại Điều 101 BLHS năm 2015 như sau:

*“Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi được quy định như sau:*

*1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất*

*được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất được quy định trong khung hình phạt mà điều luật quy định;*

*2. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù cao nhất trong khung hình phạt mà điều luật quy định.”*

*Thứ ba, về điều kiện miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội*

Như đã phân tích về sự cần thiết sửa đổi quy định tại Điều 101 BLHS năm 2015 ở trên, thì trong nội dung các Điều 103, 104 BLHS năm 2015 cũng cần được sửa đổi và quy định rõ ràng hơn để tương thích, phù hợp với nội dung của Điều 101 BLHS năm 2015. Đồng thời, cần sửa đổi, bổ sung Điều 92 của BLHS năm 2015 theo hướng bổ sung điều kiện để quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng; theo đó, ngoài điều kiện phải có sự đồng ý của người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ thì còn phải có thêm điều kiện là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý việc áp dụng biện pháp này và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự để bảo đảm tính khả thi của việc áp dụng biện pháp này. Cùng với việc sửa đổi, bổ sung Điều 92, thì dự thảo Luật cũng cần sửa đổi, bổ sung Điều 94 để khẳng định rõ biện pháp hòa giải tại cộng đồng được thực hiện sau khi có quyết định miễn trách nhiệm hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền.

Về nội dung này, tác giả hoàn toàn nhất trí với những nội dung của Dự thảo đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 92 BLHS năm 2015 như sau:

*“Điều 92. Điều kiện áp dụng*

*Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đề nghị áp dụng một trong các biện pháp này;*

*Trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng thì còn phải có đề nghị của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ”.*

Và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 94 BLHS năm 2015 như sau:

*“Điều 94. Hòa giải tại cộng đồng*

*1. Hòa giải tại cộng đồng được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a, Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này;*

*Phương án 1: b) Không sửa đổi điểm này.*

*Phương án 2: b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.*

*2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án đã quyết định miễn trách nhiệm hình sự phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng.*

*3. Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:*

*a) Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại;*

*b) Nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này.*

*4. Cơ quan đã quyết định miễn trách nhiệm hình sự ấn định thời gian thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và các điểm b, c khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này từ 03 tháng đến 01 năm.”*

*Thứ tư, về xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội*

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 107 của BLHS năm 2015 về xóa án tích đối với người chưa thành niên bị kết án theo hướng quy định thời gian tính để đương nhiên được xóa án tích căn cứ vào mức hình phạt đã tuyên và ngắn hơn so với người đã thành niên để có sự phân hóa đối với từng trường hợp phạm tội và bảo đảm tính nhất quán và đồng bộ trong cách quy định thời hạn xóa án tích đối với người bị kết án đã thành niên (khoản 2 Điều 70 BLHS) và người bị kết án chưa thành niên. Cụ thể, cần sửa đổi, bổ sung Điều 107 BLHS năm 2015 như sau:

*"Điều 107. Xóa án tích*

*1. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;*

*b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;*

*c) Người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này.*

*2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:*

*a) 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;*

*b) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;*

*c) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;*

*d) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm."*

### **3.2.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên**

*3.2.2.1. Tổng kết thực tiễn về áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội*

Trong thời gian qua, TANDTC, các Cụm thi đua thuộc TANDTC và TAND tỉnh Quảng Ngãi đều có tổ chức sơ kết 6 tháng và tổng kết năm công tác; trong đó có xét xử án hình sự, thi hành án hình sự và giám đốc kiểm tra nhằm đánh giá về chất lượng giải quyết án hình sự cụ thể: tỷ lệ giải quyết án hình sự, tỷ lệ xét xử lưu động, số án bị sửa do sai, số án bị hủy do sai, số bị cáo bị tuyên hình phạt tù theo trình tự sơ thẩm, số án quá hạn luật định, số án tuyên không rõ ràng, việc cho hưởng án treo không đúng pháp luật... Thông qua đó, đánh giá ưu, khuyết điểm chủ yếu là về vấn đề áp pháp luật và tình trạng án hủy; sửa do sai chưa được khắc phục mà nguyên nhân chủ yếu là số lượng án thụ lý gia tăng, những vụ án bị hủy; sửa là vụ án phức tạp trong đánh giá

chứng cứ, có cả nguyên nhân chủ quan do Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thiếu năng lực. Tổng kết công tác xét xử đã rút ra được bài học kinh nghiệm cho cán bộ Tòa án khắc phục được vướng mắc trong quá trình xét xử về thu thập và đánh giá chứng cứ, đặc biệt là áp dụng khi Quyết định hình phạt vào từng bị cáo cụ thể. Như vậy, hoạt động tổng kết thực tiễn xét xử là việc công bố, chọn lọc và hệ thống hóa quyết định, bản án trở thành hình mẫu đáng tin cậy giúp Tòa án giải quyết vụ việc tương tự về sau, đảm bảo được các nguyên tắc, các căn cứ Quyết định hình phạt chính xác. Có như vậy, mới đáp ứng được đường lối của và chủ trương của Nhà nước ta đã yêu cầu “*Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử*”.

#### 3.2.2.2. Xây dựng án lệ đối với người chưa thành niên phạm tội

Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đã nêu: “*Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ...*”, “*từng bước thực hiện công khai hóa các bản án.*”. Thực hiện quy định này, TANDTC đã ra quyết định số 47/QĐ-TANDTC này 31/12/2012 về phê duyệt đề án phát triển án lệ của TANDTC và quyết định số 102/QĐ-TANDTC này 24/3/2016 về thành lập hội đồng tư vấn án lệ. Hiện nay đã công bố được 10 bản án là án lệ đăng trên cổng thông tin điện tử đã mọi người đón nhận rất tích cực, đặc biệt là cán bộ làm công tác pháp luật, kể cả luật sư và nhân dân có vụ việc liên quan, bước đầu đã góp phần nâng cao chất lượng xét xử án hình sự nói chung và thực tiễn QĐHP đối với NCTN phạm tội nói riêng một cách chính xác, khách quan, công bằng; cũng như việc tự giải quyết của các tổ chức, cá nhân có vụ việc liên quan tương tự. Do vậy, Hội đồng thẩm phán TANDTC xác định nhiệm vụ ban hành án lệ là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên. Ngoài ra, theo tác giả đề nghị tất cả các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng thẩm phán TANDTC là án lệ, có như vậy gắn trách nhiệm của Hội đồng thẩm phán TANDTC khi xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm phải “*chuẩn mực*”.

Ngoài ra, còn phải ban hành văn bản mới để có một cách áp dụng vận dụng cho thống nhất như các biểu mẫu liên quan đến người chưa thành niên. Đặc biệt phải ban hành những văn bản hướng dẫn để giải thích những vấn đề còn chưa thật sự rõ ràng để vận dụng, áp dụng đúng quy định pháp luật.

### 3.2.2.3. Thành lập Tòa án chuyên biệt về với người chưa thành niên

Thành lập tòa án chuyên biệt cho người chưa thành niên sẽ đáp ứng được yêu cầu bảo vệ, thúc đẩy các quyền của trẻ em, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Những năm gần đây, ở nước ta, tội phạm ở tuổi chưa thành niên ngày một gia tăng về số lượng, đa dạng về loại tội, nghiêm trọng về tính chất và mức độ.

Điều đáng lo ngại là độ tuổi của người chưa thành niên phạm tội ngày càng thấp. Lứa tuổi thực hiện hành vi tội phạm cao nhất từ 16 đến dưới 18 tuổi chiếm khoảng 60%; từ 14 đến dưới 16 tuổi là 32% và dưới 14 tuổi là 8%.

Xây dựng tòa án cho người chưa thành niên là một xu hướng khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Việc này gắn liền với việc ban hành một đạo luật riêng về tư pháp người chưa thành niên.

Thành lập tòa án người chưa thành niên ở nước ta chính là một trong những biện pháp tổ chức – pháp lý đặc biệt, góp phần hoàn thiện hệ thống tư pháp cho người chưa thành niên và cũng là sự khẳng định mạnh mẽ cam kết chính trị – pháp lý của Nhà nước ta trong việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em.

Chúng ta đã có chính sách hình sự và tố tụng hình sự đặc biệt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Bộ Luật Hình sự năm 1999 đã dành một chương riêng (chương X, từ điều 68 đến điều 77), trong đó quy định nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Theo đó, các biện pháp tư pháp và các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2003 cũng xác định thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là loại “thủ tục đặc biệt” và quy định thành chương riêng (chương XXXII từ điều 301 đến điều 310).

Tuy nhiên, tòa án chuyên biệt dành cho người chưa thành niên; những quy định pháp luật cụ thể bảo đảm môi trường tòa án (khu chờ riêng biệt, cách ly với bị cáo là người thành niên...); các thủ tục phiên tòa cũng như cách trang trí, các vật dụng bố trí tại phòng xử án đối với người chưa thành niên... vẫn chưa có. Thẩm phán được phân công xét xử, luật sư, công tố viên... không phải đều là những người “có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng,

chống tội phạm của người chưa thành niên”. Điều 307 Bộ Luật Tố tụng hình sự quy định: “Trong trường hợp cần thiết, tòa án có thể quyết định xét xử kín”. Thực tế xét xử của tòa án ở nước ta phổ biến là công khai (có vụ đưa ra xử lưu động), công chúng và phóng viên báo chí được tự do vào dự, viết bài, đưa tin nói rõ danh tính của bị cáo là người chưa thành niên, kể cả những vụ án hiếp dâm mà bị cáo và người bị hại đều là người chưa thành niên.

Để tạo môi trường xét xử thân thiện, đáp ứng những yêu cầu bảo vệ và thúc đẩy các quyền của trẻ em; đặc biệt với diễn biến tình hình tội phạm người chưa thành niên, việc thành lập tòa án chuyên biệt cho người chưa thành niên và ban hành văn bản pháp luật tố tụng đặc biệt riêng tương ứng là điều hết sức cần thiết. Hơn nữa, không chỉ áp dụng cho bị cáo mà còn cho cả người bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên tham gia tố tụng. Những quy định pháp luật và thủ tục đặc biệt này phải bảo đảm rằng người chưa thành niên vi phạm pháp luật được đối xử với thái độ tôn trọng, phù hợp với phẩm giá, độ tuổi và nguyện vọng cũng như mong muốn được sớm phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng của người chưa thành niên. Có như vậy, quyền lợi của trẻ em mới được bảo đảm một cách đầy đủ, đúng đắn nhất, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

### ***3.2.3. Nâng cao năng lực về áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên***

Để nâng cao chất lượng điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo là NCTN phạm tội, một trong những giải pháp cần thực hiện tốt đó là nâng cao năng lực của người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội Thẩm nhân dân). Công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cần được lãnh đạo ngành, tỉnh quan tâm kịp thời, có lộ trình lâu dài. Việc tăng cường mở các lớp đào tạo ngắn hạn, trang bị những kiến thức cơ bản, hiểu biết cần thiết về NCTN cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm là điều vô cùng cần thiết. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ về khoa học, giáo dục, tâm, sinh lý của NCTN sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu về trình độ, năng lực điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án hình sự đặc thù này. Hơn nữa, QĐHP là sản phẩm trí tuệ của con người nhân danh Nhà nước. Mặc dù, nhà làm luật có năng lực dự báo

tốt đến đâu thì sản phẩm của họ cũng luôn đi sau sự vận động và phát triển của xã hội; cho nên đòi hỏi người tiến hành tố tụng phải giỏi về kiến thức pháp lý mà còn có trải nghiệm về thực tế và kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án hình sự nói chung và vụ án hình sự có bị cáo là NCTN phạm tội. Đặc biệt là Thẩm phán “*phải vững về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, am hiểu nhân tình thế thái*”. Muốn vậy, theo quan điểm của tác giả cần phải:

*Thứ nhất*, chú trọng công tác bổ nhiệm Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và bầu Hội thẩm nhân nhanh chóng kịp thời để đáp ứng được khối lượng công việc ngày càng tăng; Nhưng phải đảm bảo về hình thức (tướng mạo con người) lẫn nội dung (Tri thức) của các chức danh này. Cho nên đòi hỏi phải có đầy đủ: phẩm chất đạo đức, sức khỏe, chiều cao của con người, năng lực nghiệp vụ về kiến thức pháp luật, kỹ năng điều tra, truy tố và xét xử, có kỹ năng quản lý, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn, giao tiếp, nhu cầu nhận thức mới, học hỏi độc lập và tiếp thu công nghệ, có kiến thức xã hội rộng...

*Thứ hai*, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân về lý luận chính trị, về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức căn bản, cần thiết về tâm, sinh lý của NCTN, tri thức về khoa học giáo dục thanh thiếu niên.

*Thứ ba*, phát động phong trào thi đua thực hiện tốt Hiến pháp, pháp luật nói chung, quy định của Luật phòng, chống tham nhũng. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng gắn với cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá năng lực điều tra, truy tố và xét xử.

*Thứ tư*, đảm bảo chế độ bảo vệ tuyệt đối an toàn đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân khi thực hiện nhiệm vụ.

*Thứ năm*, có chế độ chính sách đãi ngộ đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân để họ yên tâm hoàn thành nhiệm vụ, không tiêu cực.

*Thứ sáu*, tổ chức phong trào nghiên cứu phát triển khoa học pháp lý và thiết lập mối quan hệ hợp tác trao đổi công tác thực tiễn, giữa các địa phương, các cơ sở đào tạo chức danh Tư pháp, các tổ chức trong nước và quốc tế.



### ***3.2.4. Các giải pháp khác***

Với số lượng, tỷ lệ lớn các vụ án do người chưa thành niên phạm tội thực hiện trong thời gian vừa qua đã tạo nên sự bức xúc mạnh mẽ trong cộng đồng, xã hội. Nhiều ý kiến cho rằng, cần phải cân nhắc để sửa đổi luật, hoặc tăng mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, giảm độ tuổi như quy định hiện nay hoặc thống kê các tội phạm xảy ra nhiều và có tính chất phổ biến thì quy định phải chịu trách nhiệm như các tội phạm khác. Tuy nhiên, xuất phát từ bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đã được cụ thể hoá trong Bộ luật Hình sự năm 1999 và các văn bản pháp luật có liên quan thì việc xử lý những đối tượng người chưa thành niên phạm tội nhằm để giáo dục, cải tạo họ trở thành những công dân có ích cho xã hội là hoàn toàn đúng đắn và có cơ sở khoa học pháp lý.

Chúng tôi cho rằng, những ý kiến nêu trên chỉ là giải pháp trước mắt, chưa phải là biện pháp giải quyết cái gốc của vấn đề. Bởi lẽ hiện nay, trên thế giới nhiều quốc gia đã áp dụng biện pháp này, nhưng nghiên cứu kết quả thực tế ở các nước đó tội phạm trong độ tuổi này vẫn không ngừng tăng lên. Dựa trên nhiều khía cạnh pháp lý của các ngành luật, thực tiễn xã hội và tâm lý tội phạm, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, bắt nguồn từ nguyên nhân phạm tội, để tìm phương hướng giải quyết cho vấn đề này một cách có hiệu quả và đồng bộ cần phải xây dựng hệ thống giáo dục pháp luật tốt, trong đó giáo dục của các tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể và gia đình đóng vai trò cốt lõi. Lứa tuổi chưa thành niên cần có sự quan tâm cả về mặt vật chất và tinh thần, có sự giáo dục đầy đủ, qua đó hạn chế tội phạm do người chưa thành niên phạm tội thực hiện. Ở tuyến cơ sở xã, phường, thôn, bản cần có đội ngũ cán bộ làm công tác đoàn, công tác xã hội tìm hiểu và quan tâm tới những gia đình và thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt, các gia đình có xung đột, mâu thuẫn đã diễn ra lâu ngày nhưng chưa thể giải quyết được. Các tổ chức đoàn thể và xã hội này cần phải tiếp cận, tìm cách hạn chế, ngăn chặn xu hướng thiếu tích cực xảy ra. Đồng thời giáo dục trẻ em hướng các em thành người có ích cho xã hội. Điều này rất cần có sự chung tay phối hợp chặt chẽ giữa ba mắt xích quan trọng gồm: Gia đình, nhà trường và xã hội.

Thứ hai, có chính sách giáo dục thanh thiếu niên thông qua nhiều kênh thông tin

đại chúng; xét xử công khai đối với những vụ án lớn có tính chất nổi cộm, qua đó tăng cường tính chất giáo dục, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng. Việt Nam đã tham gia vào Công ước quốc tế bảo vệ quyền trẻ em, do đó giải pháp để ngăn ngừa, phòng chống tội phạm đối với trẻ vị thành niên không phải bằng cách tăng hình phạt, mà chính là sự quản lý, giáo dục và các chính sách dành cho trẻ em. Đồng thời khi xét xử các vụ án do người chưa thành niên phạm tội cần có sự tham gia của Hội thẩm là cán bộ đoàn, cán bộ hội hoặc là giáo viên lâu năm có sự hiểu biết về pháp luật, hiểu biết về tâm lý lứa tuổi người chưa thành niên, để có phán quyết một cách công minh, bình đẳng.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục pháp luật cho các em ở nhà trường, ở địa phương và tại các tổ chức sinh hoạt đoàn thể nơi các em tham gia. Các em nắm được pháp luật, nhận thức được tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội sẽ hạn chế được việc thực hiện tội phạm, đảm bảo tính chất phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng.

Thứ tư, Nhà nước có chính sách tạo việc làm cho người lao động, ổn định kinh tế - chính trị - xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân, nâng cao chất lượng gia đình bởi lẽ gia đình chính là tế bào của xã hội. Giáo dục trong gia đình chính là giáo dục đầu tiên, quan trọng nhất đối với mỗi con người. Đồng thời, ở mỗi địa phương cần đẩy lùi những tụ điểm xấu của xã hội, có môi trường cho trẻ được tham gia vui chơi, học tập sinh hoạt tập thể lành mạnh...

Thứ năm, Nhà nước cần có chính sách quản lý hệ thống thông tin mạng internet tốt vì trẻ em hiện nay là đối tượng thường tiếp xúc sớm, nhanh với các thông tin văn hóa phẩm độc hại.

Thứ sáu, nên chăng cần phải nghiên cứu đề xuất thành lập Tòa án riêng đối với người chưa thành niên phạm tội như ý kiến đề xuất của một số nhà khoa học pháp lý hiện nay.

*Thứ bảy*, triển khai thành lập các Tòa gia đình và người chưa thành niên: Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã có quy định về thành lập các Tòa chuyên trách trong đó có Tòa gia đình và người chưa thành niên. Trên cơ sở đó, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21 tháng 1 năm 2016 quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, trong đó có quy định về thẩm quyền giải quyết các vụ án hình sự của Tòa gia đình và người chưa thành niên là “*Các vụ án hình sự mà bị cáo là người dưới 18 tuổi hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo là người đã đủ 18 tuổi trở lên nhưng người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác*” [57].

Mục tiêu của nước ta là xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, các biện pháp cưỡng chế hình sự, mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị, mà còn nhằm mục đích giáo dục người phạm tội, giúp họ nhận ra sai lầm và tạo cho họ cơ hội để sửa chữa, sớm tái hòa nhập với cộng đồng xã hội. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 quy định chính sách nhân đạo đối với người chưa thành niên phạm tội, họ là đối tượng đặc biệt được pháp luật bảo vệ dưới cả hai góc độ, khi họ là người bị hại và cả khi họ là chủ thể của tội phạm. Chính sách hình sự của Nhà nước ta hiện nay thể hiện rõ quan điểm nhất quán, đồng thời cũng phù hợp với Công ước quốc tế của Liên hợp Quốc về quyền trẻ em năm 1989 mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, chúng tôi cho rằng, để việc đấu tranh phòng chống tội phạm chưa thành niên có hiệu quả, thì phải tìm ra những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh hành vi phạm tội, từ đó tìm ra những giải pháp hữu hiệu để ngăn ngừa tội phạm chưa thành niên. Vì vậy, việc tăng mức hình phạt hay giảm tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên không phải là giải pháp tối ưu nhất hiện nay, mà có khi làm giảm hiệu quả công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm do người chưa thành niên phạm tội nói riêng.

### **Kết luận Chương 3**

Người chưa thành niên phạm tội là đối tượng được cộng đồng quốc tế nói chung, Đảng và Nhà nước Việt Nam nói riêng đặc biệt quan tâm. Vì vậy, các chế tài áp dụng để xử lý các hành vi phạm tội và hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm do họ gây ra càng được chú ý.

Để góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, đòi hỏi phương hướng cơ bản của việc hoàn thiện này phải thể hiện tư tưởng nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta và phù hợp với pháp luật quốc tế. Chính vì vậy, thông qua kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý và tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật, những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội tại Chương X, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được kế thừa, bổ sung và hoàn thiện tại chương XI Bộ luật hình sự năm 2015, trong đó có các quy định về áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên thể hiện sự nhân đạo sâu sắc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của quốc tế về quyền con người, đặc biệt là quyền của trẻ em, cũng như thực tiễn xét xử và góp phần nhân đạo hóa hơn nữa chính sách hình sự của Nhà nước pháp quyền, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự về xử lý người chưa thành niên phạm tội không chỉ bằng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 đang chờ có hiệu lực mà còn phải có những văn bản hướng dẫn thi hành, hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội để các Tòa án xử lý vụ án được chính xác và mang tính thống nhất. Đồng thời, trên cơ sở phân tích tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội, tác giả cũng đề xuất các vấn đề như hoàn thiện pháp luật hình sự về xử lý NCTN phạm tội, hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội, nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án hình sự đối với NCTN phạm tội hay nâng cao hiệu quả công tác tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN phạm tội... nhằm đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu về áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội yêu cầu chúng ta phải nghiên cứu đến tất cả phương diện nghiên cứu lý luận, pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự bởi đối tượng áp dụng của nó là NCTN - đối tượng được Hiến pháp và pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ. Do đó, áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội đúng sẽ phát huy tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo đối tượng này, giúp họ trở thành người lương thiện. Ngược lại, nếu áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội không chính xác sẽ làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo đối tượng này.

Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 trước đây và năm 1999, sửa đổi năm 2009 hiện hành đều đặt ra một hệ thống quy định chuyên biệt thể hiện chính sách hình sự riêng đối với NCTN phạm tội. Trong đó đã chứa đựng các quy định về nguyên tắc, căn cứ áp dụng pháp luật, tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội. Tuy nhiên, qua quá trình thực thi BLHS Việt Nam năm 1999, sửa đổi năm 2009 hiện hành cho thấy đã nảy sinh nhiều hạn chế, vướng mắc đòi hỏi phải kịp thời sửa đổi, bổ sung như một yêu cầu tất yếu để nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng hình phạt đối với NCTN phạm tội.

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội ở tỉnh Quảng Ngãi, thấy rằng về cơ bản chính xác, khách quan, công bằng và đúng pháp luật, cũng như chú trọng các mục tiêu giáo dục, cải tạo, hướng thiện, phòng ngừa. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử còn cho thấy đã nảy sinh các hạn chế, vướng mắc và việc áp dụng máy móc, cứng nhắc đã làm giảm hiệu quả chính sách hình sự nhân đạo đối với NCTN và làm giảm cơ hội tái hòa nhập xã hội của họ.

Vì vậy, khi áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội không chỉ đòi hỏi đưa ra biện pháp xử lý tương xứng đối với hành vi phạm tội mà còn phải thể hiện được chính sách nhân đạo, khoan hồng và mang lại hiệu quả cao trong việc giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội. Để đáp ứng được những yêu cầu đó, việc áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội cần được tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc, căn cứ vừa chặt chẽ, vừa đặc thù.

Những giải pháp được đề cập trong luận văn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với NCTN phạm tội, đồng thời góp phần đảm bảo ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2011), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/2/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (1995), *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Tập III, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phượng (2004), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên: Những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học*, *Tòa án nhân dân*, (số 20).
8. Trần Đức Châm (2002), *Thanh, thiếu niên làm trái pháp luật - Thực trạng và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Chính phủ (2000), *Nghị định số 62/2000/NĐ-CP ngày 03/10/2000 quy định về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo*, Hà Nội.
10. Cục thống kê tỉnh Quảng Ngãi (2016), *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi*, Quảng Ngãi.
11. Xuân Duy (2014), *Bác Hồ với việc xây dựng con người mới*, tại trang <http://langvietonline.vn/moi-tuan-1-chuyen/132810/Bac-Ho-voi-viec-xay-dung-con-nguoi-moi.html>, [truy cập ngày 15/2/2016].
12. Trần Văn Dũng (2005), “*Những đặc điểm cơ bản về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam*”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 22).

13. Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên, tại trang <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quy-tac-tieu-chuan-toi-thieu-ve-hoat-dong-tu-phap-doi-voi-nguoi-vi-thanh-nien-1985-275842.aspx>, [truy cập ngày 7/2/2016].
16. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc (1989), Công ước về quyền trẻ em, tại trang <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-cua-Lien-hop-quoc-ve-quyen-tre-em-233659.aspx>, [truy cập ngày 14/2/2016].
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
19. Nguyễn Minh Đoan (2010), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam* (sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. A.I. Đôn-gô-va (1987), *Những khía cạnh tâm lý - xã hội về tình trạng phạm tội của người chưa thành niên*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
21. Nguyễn Ngọc Hòa (1995), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.
22. Hoàng Văn Hùng (2000), Chương XVI - Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Hương (2011), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Vũ Đức Khiển, Bùi Hữu Hùng, Phạm Xuân Chiến, Đỗ Văn Hán và Trần Phàn (1987), *Phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.



25. Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội (1997), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
26. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong Tố tụng hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
27. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
28. Đoàn Tấn Minh (2008), Bàn về phạm vi sử dụng thuật ngữ “người chưa thành niên phạm tội”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 9 (5)/2008.
29. Neal Hazel (2008), *So sánh giữa các quốc gia về tư pháp người chưa thành niên*, Ủy ban tư pháp thanh thiếu niên của Anh và xứ Wales-YJB, Nguyễn Chí Công dịch và tổng hợp, tác giả cập nhật đến năm 2010.
30. Cao Thị Oanh (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Trung Phương (2014), Tội phạm vị thành niên những con số đáng lo ngại, tại trang <http://congly.vn/an-ninh-hinh-su/toi-pham-vi-thanh-nien-nhung-con-so-dang-lo-ngai-42931.html>, [truy cập ngày 22/2/2016].
32. Nguyễn Khắc Quang (2012), Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 8).
33. Đinh Văn Quế (2000), *Thực tiễn áp dụng Pháp Luật Hình Sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Phương Đông, Hà Nội.
34. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đinh Văn Quế (2003), Quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội, *Tạp chí luật học*, (số 5).
36. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
37. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

40. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
41. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức tòa án nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đặng Thanh Sơn (2008), *Pháp luật Việt Nam về tư pháp người chưa thành niên, Số chuyên đề của Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 20 (136).
45. Trương Hồng Sơn (2009), *Một số quy định của pháp luật quốc tế và một số quốc gia về vấn đề quyền của người chưa thành niên phạm tội, Tạp chí Học viện Cảnh sát nhân dân điện tử*, ngày 20/8/2009.
46. Trịnh Đình Thê (1997), *Một số ý kiến về áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội, Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, (số 10).
47. Trịnh Đình Thê (2006), *Áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
48. Nguyễn Quốc Thiện (2015), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, *Các bản án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm từ năm 2011 đến năm 2015*.
50. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập I*, Hà Nội.
51. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập II*, Hà Nội.
52. Tòa án nhân dân tối cao (1998), *Nghị quyết số 01/1998/NQ- HĐTP ngày 21/9/1998 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
53. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Thông tin khoa học xét xử (số 3)*, Hà Nội.
54. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
55. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Thông tin khoa học xét xử (số 3)*, Hà Nội.

56. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Đề án thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên*, Hà Nội.
57. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Thông tư số 01/2016/TT- CA ngày 21/01/2016 quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương*, Hà Nội.
58. Lương Ngọc Trâm (2014), Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 19).
59. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Chu Thị Trang Vân (2006), Đặc trưng của áp dụng pháp luật hình sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (số 3).
62. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1995), *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
63. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
64. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011), *Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT- VKSNDTC- TANDTC - BCA- BTP- BLĐT BXH ngày 12/7/2011 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên*, Hà Nội.
65. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2000), Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam, *Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý*, số 1/2000.
66. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2000), Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam, *Thông tin khoa học pháp lý*, (số 1/2000).

67. Viện Nghiên cứu Quyền con người (2006), *Tư pháp người chưa thành niên*, Cục Xuất bản, Hà Nội.
68. Nguyễn Gia Viễn (2015), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ luật học - Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
69. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
70. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
71. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lí luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
73. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.